ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

KINH DO

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302705302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/09/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/04/2013)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 14...../ĐKCB do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04.. tháng 06 năm 2013)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Kinh Đô
Số 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84–8) 3827 0838
Fax: (84–8) 3827 0839

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3928 8888
Fax: (84-4) 3928 9888

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3914 6888
Fax: (84-8) 3914 7999

Phụ trách công bố thông tin:
Họ tên: Kelly Yin Hon Wong – Phó Tổng Giám đốc Tài Chính
Số 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84–8) 3827 0838
Fax : (84–8) 3827 0839

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302705302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/09/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/04/2013)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**

Mã cổ phiếu: **KDC**

Tỷ lệ hoán đổi: **2,2 cổ phiếu Vinabico đổi 1 cổ phiếu KDC**

Tổng số lượng phát hành: 1.105.704 cổ phiếu (*Một triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm lẻ bốn cổ phiếu*) để hoán đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần Vinabico.

Tổng giá trị phát hành: 11.057.040.000 đồng (*Mười một tỷ năm mươi bảy triệu bốn mươi ngàn đồng*) – tính theo mệnh giá

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 3928 8888

Fax: (84 - 4) 3928 9888

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6888

Fax: (84-8) 3914 7999

Website : http://www.bvsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst &Young Việt Nam

Trụ sở: Tầng 28, Tòa nhà Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 5252

Fax: (84-8) 3824 5250

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1

1. Rủi ro kinh tế 1
2. Rủi ro luật pháp 2
3. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu 2
4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu 2
5. Rủi ro tỷ giá hối đoái 3
6. Rủi ro sáp nhập 3
7. Rủi ro cạnh tranh bởi hàng giả và hàng kém phẩm chất 3
8. Rủi ro khác 4

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5

1. Tổ chức phát hành 5
2. Tổ chức tư vấn phát hành 5

III. CÁC KHÁI NIỆM 6

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 7

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 7
   - 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 7
   - 1.2. Giới thiệu về Công ty 8
2. Cơ cấu tổ chức 10
   - 2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh Đô 10
   - 2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 01/03/2013 13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 14
   - 5.1. Danh sách công ty con của Công ty Cổ phần Kinh Đô 14
   - 5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Kinh Đô đang liên kết, liên doanh đồng kiểm soát 15
6. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Kinh Đô 16
7. Hoạt động kinh doanh của Kinh Đô 17
   - 7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Kinh Đô 17
   - 7.2. Doanh thu, lãi gộp qua các năm 22
   - 7.3. Nguyên vật liệu 23
   - 7.4. Chi phí sản xuất 24
   - 7.5. Trình độ công nghệ 25
   - 7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 26
   - 7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ 26
   - 7.8. Báo cáo hoạt động đầu tư và hiệu quả đầu tư 28
   - 7.9. Hoạt động Marketing 28
   - 7.10. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ 30

7.11. Một số hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011, 2012 31
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất 32
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013 32
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013 32
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 32
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành 32
9.2. Triển vọng phát triển của ngành thực phẩm 36
10. Chính sách đối với người lao động 36
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty 36
10.2. Chính sách đối với người lao động 37
11. Chính sách cổ tức 38
12. Tình hình hoạt động tài chính 39
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản 39
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 42
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng 43
13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 43
13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát 50
13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 52
14. Tài sản 59
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2013 và 2014 60
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 63
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 63
18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu 63
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI (CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO) 64
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Vinabico 64
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 64
1.2. Giới thiệu về Công ty 65
2. Cơ cấu tổ chức công ty 65
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 66
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% 66
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 67
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vinabico 67
7. Hoạt động kinh doanh 68
7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Vinabico 68
7.2. Doanh thu, lãi gộp của Vinabico qua các năm 70
7.3. Nguyên vật liệu 70
7.4. Chi phí sản xuất 71

7.5. Trình độ công nghệ 71
7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 72
7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm 72
7.8. Báo cáo hoạt động đầu tư, hiệu quả đầu tư 73
7.9. Hoạt động Marketing 73
7.10. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ 74
7.11. Một số hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011 và 2012 74
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong 2 năm gần nhất 75
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013 75
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013 75
9. Vị thế của Vinabico so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 76
10. Chính sách đối với người lao động của Vinabico 76
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty 76
10.2. Chính sách đối với người lao động của Vinabico 77
11. Chính sách cổ tức 78
12. Tình hình hoạt động tài chính của Vinabico 78
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản 78
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 81
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng 83
13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 83
13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát 86
13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 88
14. Tài sản 90
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Vinabico (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…) 91
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Vinabico mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành 91
VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 92
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 92
2. Mệnh giá: 10.000 đồng 92
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 92
4. Tỷ lệ chuyển đổi: 92
5. Đối tượng chuyển đổi: 93
6. Thời gian dự kiến phát hành: 93
7. Phương thức và kế hoạch phân phối cổ phiếu: 93
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: 94
9. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi điều lệ sau sáp nhập theo quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh 94
10. Các loại thuế có liên quan 94
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH 95

1. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt....95
2. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam....95
VIII. PHỤ LỤC....95

Danh mục bảng biểu

Bảng 1. Danh sách cổ đông sáng lập (ngày 06/09/2002)....9
Bảng 2. Danh sách các công ty thành viên trong hệ thống Kinh Đô (31/12/2012)....10
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vào ngày 01/03/2013....13
Bảng 4. Sản lượng từng nhóm sản phẩm của năm 2011, 2012 và Quý I/2013....22
Bảng 5. Doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2011, 2012 và Quý I/2013....22
Bảng 6. Lãi gộp của KDC năm 2011, 2012 và Quý I/2013....23
Bảng 7. Danh sách nhà cung cấp nguyên liệu cho KDC....24
Bảng 8. Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với doanh thu....25
Bảng 9. Sự biến động các khoản mục chi phí trong 2 năm gần nhất....25
Bảng 10. Công suất thiết kế của các dây chuyền sản xuất KDC....26
Bảng 11. Tổng hợp các hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011, 2012....31
Bảng 12. Hệ thống phân phối của một số công ty trong ngành bánh kẹo Việt Nam....33
Bảng 13. Một số chỉ tiêu tài chính của các công ty trong ngành bánh kẹo năm 2012....35
Bảng 14. Cơ cấu lao động theo chức năng quản lý....37
Bảng 15. Cơ cấu lao động theo trình độ....37
Bảng 16. Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....40
Bảng 17. Vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....40
Bảng 18. Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....41
Bảng 19. Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....41
Bảng 20. Tài sản cố định của KDC tại thời điểm 31/03/2013....59
Bảng 21. Danh mục đất đai, nhà xưởng Kinh Đô quản lý....60
Bảng 22. Một số chỉ tiêu trong kế hoạch tài chính năm 2013 và 2014....60
Bảng 23. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% của Vinabico tại ngày 20/05/2013....66
Bảng 24. Cơ cấu vốn cổ phần của Vinabico ngày 20/05/2013....66
Bảng 25. Quá trình tăng vốn của Vinabico....67
Bảng 26. Doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2011, 2012 và Quý I/2013....70
Bảng 27. Lãi gộp của Vinabico năm 2011, 2012 và Quý I/2013....70
Bảng 28. Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với doanh thu....71
Bảng 29. Danh mục các thiết bị hiện Vinabico đang sử dụng....71
Bảng 30. Tổng hợp các hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011 và 2012....74
Bảng 31. Một số chỉ tiêu tài chính của Vinabico năm 2011, 2012 và Quý I/2013....75
Bảng 32. Cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và theo trình độ....76
Bảng 33. Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....79
Bảng 34. Vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....80
Bảng 35. Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....80
Bảng 36. Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013....80
Bảng 37. Tài sản cố định của Vinabico tại thời điểm 31/03/2013....90
Bảng 38. Danh mục đất đai, nhà xưởng Vinabico quản lý....90

Bảng 39. Tỷ lệ hoán đổi theo phương pháp chiết khấu dòng tiền sau khi phát hành cổ phiếu thưởng 93

Danh mục sơ đồ

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của hệ thống Kinh Đô 11
Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Kinh Đô 12
Sơ đồ 3. Hệ thống phân phối của Kinh Đô 30
Sơ đồ 4. Cơ cấu tổ chức của Vinabico 65

Danh mục đồ thị

Đồ thị 1. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2012 23
Đồ thị 2. Doanh thu một số công ty bánh kẹo năm 2012 (tỷ đồng) 34
Đồ thị 3. Biên lợi nhuận gộp của KDC, BBC và HHC giai đoạn năm 2010 – 2012 35
Đồ thị 4. Doanh thu bánh kẹo Việt Nam 2013 – 2016 (tỷ đồng) 36
Đồ thị 5. Mức trả cổ tức bằng tiền của KDC giai đoạn 2004 – 2012 (đồng/cp) 39

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm bánh kẹo. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì các nhu cầu nâng cao dinh dưỡng, nhu cầu biếu tặng các loại thực phẩm cao cấp, trong đó có bánh kẹo cũng tăng. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, thu nhập người dân sụt giảm, không đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày thì ngành sản xuất bánh kẹo chắc chắn bị tác động.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây tăng trưởng không ổn định. Sau khi tăng ở mức 6,8% năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP tăng chậm lại trong năm 2011 và 2012 (chỉ tăng 5,03% trong năm 2012 – mức tăng thấp nhất kể từ năm 2000) chủ yếu do chính sách thắt chặt. Bên cạnh các yếu tố tích cực (tăng trưởng xuất khẩu khá tốt, thị trường ngoại hối ổn định và dự trữ ngoại hối tăng nhẹ), Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều khó khăn và tồn tại. Hai trong nhiều yếu tố vĩ mô ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp là lạm phát và lãi suất vay ở mức cao. Sau khi đạt đỉnh vào tháng 8/2011 (23,4%), chỉ số CPI đã tăng chậm vào những tháng cuối năm 2011. Trong năm 2012, CPI tiếp tục xu hướng giảm (bình quân cả năm tăng 9,21% so với bình quân năm 2011) chủ yếu do sức mua giảm mạnh.

Lãi suất cho vay bình quân đã tăng từ mức 14% cuối năm 2010 lên đến 23% vào quý III/2011. Trong các tháng gần đây, mặc dù Ngân hàng nhà nước đã áp mức trần lãi suất cho vay 15%, nhưng rất ít doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn vay ở mức lãi suất này.

Kinh Đô giảm thiểu tác động của rủi ro trên bằng khả năng dự báo tốt, tính linh hoạt trong quản trị, tính lợi thế nhờ quy mô và mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính.

Để duy trì hiệu quả kinh doanh, giảm thiểu rủi ro do yếu tố đầu vào tăng cao, Kinh Đô sẽ điều chỉnh giá bán, tận dụng tốt vị thế của từng ngành hàng.

(Nguồn: World Bank - Cập nhật tình hình kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương, tháng 12/2012, Tổng Cục Thống kê Việt Nam)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

2. Rủi ro luật pháp

Có thể nói, bánh kẹo là một trong những sản phẩm cần thiết trong cuộc sống hàng ngày của con người, đảm bảo được nhu cầu dinh dưỡng của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Mặt khác, các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo nhìn chung sử dụng nhiều lao động và các nông sản do trong nước sản xuất như đường, trứng, sữa,... Vì vậy, ngành sản xuất bánh kẹo được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi nhất định, cụ thể là những ưu đãi trong Luật Khuyến khích đầu tư trong nước về tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu máy móc thiết bị,...

Những ràng buộc pháp lý đối với ngành bánh kẹo chủ yếu liên quan đến an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đây cũng là những vấn đề được Công ty Cổ phần Kinh Đô từ nhiều năm nay rất chú trọng và xem là chiến lược lâu dài của Công ty. Nhờ chính sách xem trọng an toàn thực phẩm nên Kinh Đô đã giảm thiểu rủi ro này.

3. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 65% đến 70%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Trong các năm gần đây, giá nguyên liệu đầu vào có sự biến động mạnh khiến các doanh nghiệp bánh kẹo Việt Nam gặp khó khăn. Cụ thể, giá bột mì tháng 7/2012 đã tăng gần 100% so với đầu năm 2012. Hơn nữa, thuế nhập khẩu một số loại nguyên liệu còn cao cũng tác động làm tăng giá thành sản xuất.

Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và giảm thiểu rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Kinh Đô trước khi sáp nhập là 165.030.369 cổ phiếu. Công ty dự kiến phát hành thêm 1.105.704 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinabico, tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm bằng 0,66% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Do cổ phiếu phát hành thêm được sử dụng để hoán đổi cổ phiếu thực hiện việc sáp nhập nên thị giá cổ phiếu KDC không bị điều chỉnh giảm.

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu sau sáp nhập dự kiến giảm 2% so với trước sáp nhập, cụ thể như

sau:

Khoản mục	Trước sáp nhập (2012)	Sau sáp nhập (2013 KH)	% Tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	357,4	450	26%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (đồng/cp)	2.318	2.267	-2%

Về quyền biểu quyết:

Quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Kinh Đô trước sáp nhập sẽ bị giảm nhẹ do số lượng cổ phần đang lưu hành bằng 99,31% tổng số lượng cổ phần sau phát hành.

Như vậy, rủi ro pha loãng giá cổ phiếu KDC do KDC phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Vinabico là không có.

5. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Sự biến động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm do một số nguyên vật liệu Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài. Ngoài ra, hầu hết máy móc thiết bị của Công ty đều mua từ nước ngoài, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

Trong những năm gần đây do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều do biến động tỷ giá. Mặt khác, Công ty cũng tự cân đối một phần nguồn thu - chi ngoại tệ từ việc xuất khẩu sản phẩm và nhập khẩu máy móc, nguyên liệu, do vậy những thiệt hại do biến động tỷ giá gây ra cũng được hạn chế.

6. Rủi ro sáp nhập

Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico vào Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC), ngoài những yếu tố tích cực mang đến từ lợi ích sáp nhập, KDC cũng sẽ phải gặp một số rủi ro và thách thức từ việc sáp nhập sau:

- Ảnh hưởng đến thị giá của cổ phiếu KDC;
- Những kết quả tích cực từ lợi ích sáp nhập có thể không như mong đợi của các cổ đông.

7. Rủi ro cạnh tranh bởi hàng giả và hàng kém phẩm chất

Cũng như một số thị trường đang phát triển khác, thị trường Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nạn hàng giả. Hàng giả, trong đó có bánh kẹo giả các thương hiệu nổi tiếng như Kinh Đô, Bibica, Hải Hà,... với nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam và Trung Quốc được bán lẫn với hàng thật, và đôi khi thông qua cả hệ thống đại lý phân phối chính thức tới tay người tiêu dùng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới những nhãn hiệu nổi tiếng. Thêm vào đó, bánh kẹo sản xuất từ những cơ sở sản xuất nhỏ không nhãn hiệu, nguồn gốc, niên hạn sử dụng, không qua cơ quan kiểm duyệt thực phẩm, tuy không ảnh hưởng trực tiếp tới những nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng lại tác động xấu đến sức khỏe người tiêu dùng. Thị phần của loại sản phẩm này

có xu hướng giảm nhưng hiện vẫn còn khá lớn và chiếm khoảng 15% thị phần bánh kẹo của cả nước.

Trên thực tế, kiến thức tiêu dùng của xã hội ngày càng được nâng cao do người tiêu dùng nhất là người tiêu dùng thành thị hiện nay được tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin từ báo chí, internet,... Vì vậy hàng giả sản phẩm của Công ty chỉ có thể xuất hiện ở một số vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Công ty đã tích cực triển khai các chương trình chống hàng giả thông qua việc nâng cấp bao bì sản phẩm, tổ chức việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về hàng giả, phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện hàng giả trên thị trường,... Vì vậy thời gian gần đây số lượng hàng giả nhãn hiệu Kinh Đô đã có dấu hiệu giảm.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông **Trần Kim Thành**	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh Đô
Ông **Trần Lệ Nguyên**	Chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô
Bà **Nguyễn Thị Oanh**	Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh Đô
Ông **Lê Cao Thuận**	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh Đô

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn phát hành

Ông **Nhữ Đình Hòa**	Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Ông **Võ Hữu Tuấn**	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại TP. Hồ Chí Minh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Kinh Đô. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kinh Đô cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/KDC/Kinh Đô:	Công ty Cổ phần Kinh Đô
Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Kinh Đô
Vinabico:	Công ty Cổ phần Vinabico
NKD:	Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
KIDO:	Công ty TNHH MTV Ki Do
UBCKNN:	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
HoSE:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại Hội Đồng Cổ Đông
TGĐ:	Tổng Giám đốc
CP:	Cổ phần/cổ phiếu
DT:	Doanh thu
TS:	Tài sản

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kinh Đô tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô, được thành lập năm 1993 theo Quyết định số 216 GP-UB ngày 27/02/1993 của Chủ tịch UBND Tp. Hồ Chí Minh và Giấy phép Kinh doanh số 048307 do Trọng tài Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/03/1993. Những ngày đầu thành lập, Công ty chỉ là một xưởng sản xuất nhỏ diện tích khoảng 100m^2 tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, với 70 công nhân và vốn đầu tư 1,4 tỉ đồng, chuyên sản xuất và kinh doanh bánh snack – một sản phẩm mới đối với người tiêu dùng trong nước.

Đến năm 1994, sau hơn một năm kinh doanh thành công với sản phẩm bánh snack, Công ty tăng vốn điều lệ lên 14 tỷ đồng và nhập dây chuyền sản xuất snack trị giá 750.000 USD từ Nhật. Thành công của bánh snack Kinh Đô với giá rẻ, mùi vị đặc trưng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước đã trở thành bước đệm quan trọng cho sự phát triển không ngừng của Công ty Kinh Đô sau này.

Năm 1996, Công ty đầu tư xây dựng nhà xưởng mới tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức và đầu tư dây chuyền sản xuất bánh cookies với công nghệ và thiết bị hiện đại của Đan Mạch trị giá 5 triệu USD. Lúc này, số lượng công nhân của Công ty đã lên tới 500 người.

Năm 1997 và 1998, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh mì, bánh bông lan công nghiệp trị giá 1,2 triệu USD với công suất 25 tấn bánh/ngày. Cuối năm 1998, Công ty đưa dây chuyền sản xuất kẹo chocolate vào khai thác với tổng đầu tư là 800.000 USD.

Năm 1999, Công ty nâng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng, đồng thời thành lập trung tâm thương mại Savico – Kinh Đô tại Quận 1, đánh dấu một bước phát triển mới của Kinh Đô sang các lĩnh vực kinh doanh khác ngoài bánh kẹo. Cũng trong năm 1999, Công ty khai trương hệ thống bakery đầu tiên, mở đầu cho một chuỗi hệ thống của hàng bánh kẹo Kinh Đô từ Bắc vào Nam sau này.

Năm 2000, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 51 tỷ đồng, mở rộng diện tích nhà xưởng lên hơn 40.000 m^2. Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đầu tư một dây chuyền sản xuất bánh crackers từ châu Âu trị giá trên 2 triệu USD, đây là một trong số các dây chuyền sản xuất bánh crackers lớn nhất khu vực.

Năm 2001, Công ty nhập một dây chuyền sản xuất kẹo cứng và một dây chuyền sản xuất kẹo mềm công suất 2 tấn/giờ trị giá 2 triệu USD. Cũng trong năm 2001, Công ty cũng nâng công suất sản xuất các sản phẩm crackers lên 50 tấn/ngày bằng việc đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh mặn crackers trị giá 3 triệu USD. Ngày 5/1/2001, Công ty nhận Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002 do tổ chức BVQI cấp. Năm 2001 cũng là năm sản phẩm của Công ty được xuất khẩu mạnh sang các nước Mỹ, Pháp, Canada, Đức, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Lào, Camphuchia, Thái Lan,...

Để đảm bảo hiệu quả quản lý trong điều kiện quy mô sản xuất kinh doanh ngày càng lớn, **tháng 9 năm 2002**, Công ty Cổ phần Kinh Đô được thành lập với chức năng sản xuất kinh doanh bánh kẹo để tiêu thụ ở các tỉnh miền Nam, miền Trung và xuất khẩu. Công ty Cổ phần Kinh Đô có vốn điều lệ là 150 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty TNHH Xây dựng và

Chế biến Thực phẩm Kinh Đô là 50 tỷ đồng. Trước đó, vào năm 2001, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc tại Hưng Yên cũng đã được thành lập để sản xuất bánh kẹo cung ứng cho thị trường các tỉnh phía Bắc.

Cũng trong năm 2002, nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhanh chóng hội nhập với các nước khu vực và thế giới, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002 được thay thế bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001:2000.

Năm 2003, Công ty Cổ phần Kinh Đô nhập dây chuyền sản xuất chocolate trị giá 1 triệu USD và tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

Tháng 8 năm 2005, Công ty phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu và nâng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.

Tháng 5 năm 2006, Công ty phát hành thưởng 4.999.980 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nâng tổng vốn điều lệ lên 299.999.800.000 đồng.

Năm 2007, Công ty nâng vốn lên 469.996.650.000 đồng bằng cách phát hành thưởng 5.999.685 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán ra công chúng 11.000.000 cổ phiếu.

Tháng 10 năm 2008, Công ty phát hành 10.115.211 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu nâng vốn điều lệ lên 571.148.760.000 đồng.

Tháng 03 – 04 năm 2010, Công ty phát hành 22.431.383 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 1.682.450 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên nâng vốn điều lệ lên 812.287.090.000 đồng.

Tháng 6 năm 2010, Công ty phát hành 20.047.879 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu nâng vốn điều lệ lên 1.012.765.880.000 đồng.

Tháng 12 năm 2010, Kinh Đô phát hành 18.244.743 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc và Công ty Cổ phần Ki Do nhằm thực hiện phương án sáp nhập 2 công ty này vào Kinh Đô.

Tháng 01- 02 năm 2012, KDC phát hành riêng lẻ 14.000.000 cổ phiếu cho Công ty Ezaki Glico (một công ty chuyên về bánh kẹo và thực phẩm tại Nhật Bản) với mục đích khai thác tối đa hiệu quả đầu tư kênh phân phối của KDC.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Kinh Đô
- Tên tiếng Anh: Kinh Do Corporation
- Tên viết tắt: KIDO CORP
- Biểu tượng của Công ty:
- Vốn điều lệ: 1.665.226.250.000 VNĐ (*Một ngàn sáu trăm sáu mươi lăm tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*)
- Trụ sở chính: 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.

- Điện thoại: (84-8) 3827 0838 Fax: (84-8) 3827 0839
- Email: info@kinhdo.vn
- Website: www.kinhdo.vn

– Giấy CNĐKKD: Số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/09/2002. Sau lần đăng ký thay đổi thứ 11 (21/01/2010), số đăng ký kinh doanh trên được thay đổi thành số 0302705302, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/04/2013. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 150.000.000.000 đồng.

– Cơ cấu sở hữu tại thời điểm thành lập Công ty:

Bảng 1. Danh sách cổ đông sáng lập (ngày 06/09/2002)

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Loại cổ phần
1	Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô	50.000.000.000	33,33%	Cổ phần phổ thông
2	Trần Kim Thành	20.000.000.000	13,33%	Cổ phần phổ thông
3	Trần Lệ Nguyên	20.000.000.000	13,33%	Cổ phần phổ thông
4	Vương Bửu Linh	15.000.000.000	10,00%	Cổ phần phổ thông
5	Vương Ngọc Xiềm	15.000.000.000	10,00%	Cổ phần phổ thông
6	Trần Vinh Nguyên	7.500.000.000	5,00%	Cổ phần phổ thông
7	Trần Quốc Nguyên	7.500.000.000	5,00%	Cổ phần phổ thông
8	Trần Quốc Dũng	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
9	Cô Gia Thọ	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
10	Mã Thanh Danh	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
11	Trịnh Hiếu Từ	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
12	Vương Bửu Dinh	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
13	Vương Thu Bình	2.500.000.000	1,67%	Cổ phần phổ thông
	Tổng cộng	**150.000.000.000**	**100,00%**	

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: " Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông". Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

– Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Chế biến nông sản thực phẩm;

- Sản xuất kẹo, nước uống tinh khiết và nước ép trái cây;
- Mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm, vải sợi, hàng may mặc, giày dép, túi xách, đồng hồ, mắt kính, mỹ phẩm, kim khí điện máy, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ, dụng cụ học tập và giảng dạy, văn phòng phẩm, vật tư ngành ảnh, rau quả tươi sống;
- Dịch vụ thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Mua bán hàng điện tử-điện gia dụng, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thực phẩm công nghiệp, hóa mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ gia dụng, máy ổn áp, thiết bị điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, thiết bị văn phòng, vàng, bạc, đá quý, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), máy tính, máy in và thiết bị phụ tùng,...và một số dịch vụ khác thể hiện trong Giấy đăng ký kinh doanh.

– Thời hạn hoạt động của Công ty: Vô thời hạn.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh Đô

– Các thành viên trong hệ thống Công ty Cổ phần Kinh Đô:

Bảng 2. Danh sách các công ty thành viên trong hệ thống Kinh Đô (31/12/2012)

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ
1	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ Vốn điều lệ: 1.335.178.810.000 đồng	Số 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
2	CÔNG TY TNHH MTV KI DO Vốn điều lệ: 69.000.000.000 đồng	Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh
3	CÔNG TY TNHH MTV KINH ĐÔ MIỀN BẮC Vốn điều lệ: 151.242.160.000 đồng	Km 22, Quốc lộ 5, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
4	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ BÌNH DƯƠNG Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng	Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
5	CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO Vốn điều lệ thực góp: 49.841.350.000 đồng	436 Nơ Trang Long, Phường 3, Q. Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
6	CÔNG TY TNHH TÂN AN PHƯỚC Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng	6/134 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

(Nguồn: KDC)

– Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hệ thống Kinh Đô:

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của hệ thống Kinh Đô

2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Kinh Đô được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty bản sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2013 là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Kinh Đô: (xem sơ đồ 2)

Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Kinh Đô

(Nguồn : KDC)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông : Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 9 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 5 năm.

Ban kiểm soát : Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc : Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 01/03/2013

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vào ngày 01/03/2013

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Lệ Nguyên	203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	13.628.668	8,18%
2	Deutsche bank AG London	Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2 DB	14.599.850	8,77%
3	Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q1, Tp. HCM	14.056.214	8,44%
4	Ezaki Glico Co.Ltd	6-5, Utajima 4-chome, nishiyodogawa-Ku, Osaka city, Osaka-fu, Nhật Bản	16.800.000	10,09%
5	Công ty TNHH MTV PPK	A16, Nam Đô, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM	17.408.762	10,45%
6	Công ty CP Kinh Đô Bình Dương	Đường số 8, KCN VSIP, Bình Dương	13.043.112	8,83%
	Tổng cộng		**89.536.606**	**53,77%**

Cơ cấu vốn cổ phần của KDC tại ngày 01/03/2013:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	**Trong nước**	6.176	88.776.945	53,3%
	Tổ chức	93	34.723.847	20,9%

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
	Cá nhân	6.086	54.053.098	32,5%
2	**Nước ngoài**	778	76.253.424	45,8%
	Tổ chức	84	72.860.470	45,6%
	Cá nhân	694	3.392.954	2,0%
3	**Cổ phiếu quỹ**		1.492.256	0,9%
	Tổng cộng	6.954	166.522.625	100,0%

(Nguồn : KDC)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.1. Danh sách công ty con của Công ty Cổ phần Kinh Đô

- **Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương**
  - Tên công ty: Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương
  - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
  - Điện thoại: (84-8) 3726 9474 Fax: (84-8) 3726 9472
  - Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng)*
  - Giấy CNĐKKD số: 4603000129 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.
  - Ngành nghề kinh doanh: Chế biến nông sản thực phẩm; Sản xuất bánh, kẹo, nước uống tinh khiết, nước ép trái cây, kem ăn các loại. Mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm, vải sợi, hàng may mặc, giày dép, túi xách, đồng hồ, mắt kính, mỹ phẩm, kim khí điện máy, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ, dụng cụ học tập và giảng dạy, văn phòng phẩm, vật tư ngành ảnh, rau quả tươi sống; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ quảng cáo.
  - Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 99,80%.
- **Công ty Cổ phần Vinabico**
  - Tên công ty: Công ty Cổ phần Vinabico
  - Địa chỉ: 436 Nơ Trang Long, P.13,Q Bình Thạnh, Tp.HCM
  - Điện thoại: (84-8) 3553 3347 Fax: (84-8) 3553 3440
  - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng)*
  - Vốn thực góp: 49.841.350.000 đồng
  - Vốn điều lệ thực góp:
  - Giấy CNĐKKD số: 0303092306 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 23 tháng 05 năm 2012.
  - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và thực

phẩm; Kinh doanh dịch vụ giải khát (không kinh doanh tại trụ sở); Sản xuất, mua bán: nước tinh lọc, nước uống tinh khiết, nước giải khát, rượu, gia vị, nước tương, tương ớt, chao (không sản xuất tại trụ sở); Đại lý ký gởi hàng hóa; Mua bán: thực phẩm, kim khí điện máy, hoá mỹ phẩm (trừ hoá chất độc hại mạnh); Cho thuê: nhà, kho bãi, văn phòng.

- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 51,19%.

- **Công ty TNHH MTV KIDO**
  - Tên công ty: Công ty TNHH MTV KI DO
  - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (84-8) 3847 5605 Fax: (84-8) 3847 7246
  - Vốn điều lệ: 69.000.000.000 đồng (*Sáu mươi chín tỷ đồng)*
  - Giấy CNĐKKD số: 4103001557 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003, thay đổi lần thứ 7 ngày 25/08/2011
  - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thực phẩm, đồ uống (đá khô, kem ăn các loại); Sản xuất và mua bán đồ uống các loại, sữa và các sản phẩm từ sữa.
  - Tỷ lệ sở hữu vốn do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 100%.
- **Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc**
  - Tên công ty: Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
  - Địa chỉ: Thị Trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
  - Điện thoại: (84-321) 942 128. Fax: (84-321) 943 146
  - Vốn điều lệ: 151.242.160.000 đồng (*Một trăm năm mươi mốt tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*)
  - Giấy CNĐKKD số: Quyết định số 139/QD-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19/08/1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28/01/2000 và ngày 25/01/2011
  - Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởn
  - Tỷ lệ sở hữu vốn do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 100%

5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Kinh Đô đang liên kết, liên doanh đồng kiểm soát

a) Công ty TNHH Tân An Phước

- Tên công ty: Công ty TNHH Tân An Phước
- Địa chỉ: Số 6/134 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng (*Năm trăm tỷ đồng*)
- Giấy CNĐKKD số: 0309403269 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp ngày 24/09/2009.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản.
- Tỷ lệ sở hữu vốn do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 49%.

b) Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái
- Địa chỉ: 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*)
- Giấy CNĐKKD số: 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2010
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 30%

c) Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue
- Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.
- Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng (*Bảy trăm tỷ đồng*)
- Giấy CNĐKKD số: 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/09/2010
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kinh Đô nắm giữ: 50%

6. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Kinh Đô

Thời gian	Nội dung	Số lượng cp phát hành (cp)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)
31/12/2005	Vốn điều lệ ban đầu 250 tỷ	25.000.000	250.000.000.000
Tháng 05/2006	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	4.999.980	299.999.800.000
Tháng 04/2007	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	5.999.685	359.996.650.000
Tháng 11/2007	Phát hành 11 triệu cổ phiếu cho CBCNV, nhà đầu tư lớn, đối tác chiến lược (*)	11.000.000	469.996.650.000
Tháng 07/2008	Phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	10.115.211	571.148.760.000
Tháng 12/2009	Phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	22.431.383	795.462.590.000
Tháng 03/2010	Chào bán cổ phần với giá ưu đãi 20000đ/ cổ phiếu cho CBCNV	1.682.450	812.287.090.000

Thời gian	Nội dung	Số lượng cp phát hành (cp)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)
Tháng 05/2010	Phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	20.047.879	1.012.765.880.000
Tháng 12/2010	Phát hành cổ phiếu để sáp nhập NKD và Kido vào KDC	18.241.293	1.195.178.810.000
Tháng 2/2012	Phát hành riêng lẻ 14 triệu CP cho đối tác chiến lược	14.000.000	1.335.178.810.000
Tháng 9/2012	Sử dụng Thặng dư vốn cổ phần để phát hành CP thưởng (tỷ lệ 20%)	26.403.744	1.599.216.250.000
Tháng 1/2013	Chào bán cổ phần với giá ưu đãi 16.000 đồng/cổ phiếu cho CBCNV	6.601.000	1.665.226.250.000
	Vốn điều lệ hiện tại	**166.522.625**	**1.665.226.250.000**

(Nguồn: KDC)

7. Hoạt động kinh doanh của Kinh Đô

7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Kinh Đô

Hiện nay Công ty đang sản xuất 9 nhóm sản phẩm: bánh cookies, bánh crackers, bánh quế, bánh snack, bánh trung thu, bánh mì công nghiệp, kẹo cứng mềm, chocolate, kem và sữa chua.

a) Bánh cookies (bánh bơ)

Bánh cookies là loại bánh có thành phần chủ yếu là bột, trứng, đường. Với doanh thu 2011 đạt 332 tỷ, KDC đang chiếm khoảng 27% thị phần ngành bánh cookies. Các chủng loại bánh cookies của Công ty khá đa dạng gồm:

- Các loại nhãn hiệu bánh bơ và bánh mặn được đóng gói hỗn hợp: More, Yame, Amara, Besco, Bisco up, Bosca, Celebis, DoReMi, Dynasty, Gold time, Famous, Lolita, Rhen, Spring time, Sunny, Year Up,....
- Các loại bánh bơ nhân mứt: Fruito, Cherry cookies nhân cacao & coffee, Fine, Fruit & cookies, Ki-Ko, Kidos, Fruit treasure, Big day, Tropika, TFC, Fruitelo, ...
- Cookies IDO (Bánh trứng)./
- Bánh bơ làm giàu Vitamin : Vita, Marie,..
- Bánh bơ thập cẩm: Fine, Always, Angelo, Big day, Cookie town, Elegent, Heart to heart, Legend, The house of cookies, Twis, Good time, Let's party,...

b) Bánh crackers

Bánh crackers là loại sản phẩm được chế biến từ bột lên men (bột ủ). Đây là sản phẩm có công suất tiêu thụ lớn nhất của Công ty, với tổng công suất lên tới 1.484 tấn/tháng. Do ưu thế về công nghệ, hiện nay Kinh Đô là nhà sản xuất bánh crackers lớn nhất ở Việt Nam. Với thương

hiệu chủ lực AFC, bánh crackers của Kinh Đô chiếm tới 56% thị phần bánh crackers trong nước. Sản phẩm crackers của Kinh Đô đã được xuất đi nhiều nước, trong đó có cả thị trường Mỹ. Các loại crackers mà Công ty hiện đang sản xuất gồm:

- Bánh mặn, bánh lạt original crackers: AFC, Hexa, Cosy,...
- Bánh crackers kem: Cream Crackers, Romana,....
- Bánh crackers có hàm lượng calcium cao: Cracks, Bis-cal, Hexa,....
- Bánh quy nhiều hương vị: Deli, VIP, Creature of the sea, Round, Marie, Merio, Lulla,....
- Bánh crackers cheese: Mini butter cheese, Cheese flavor, Creature of the sea,.....

c) Bánh quế

Bánh quế là loại bánh có dạng hình ống, xốp, dễ vỡ. Mặc dù không có doanh thu lớn như crackers và cookies, song bánh quế do Kinh Đô sản xuất có mùi vị thơm ngon với 14 loại bánh khác nhau và nhiều hương vị khác biệt như: Love Rolls, Fest, Ole!Ole!, Sera Sera, Twistik, Paris Treat,...

d) Snack

Snack là một trong những sản phẩm đầu tiên của Kinh Đô, được áp dụng công nghệ hiện đại của Nhật từ năm 1994. Bánh snack Kinh Đô được đầu tư nghiên cứu với nhiều chủng loại, hương vị mang tính cách tân, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam như các loại snack hải sản (tôm, cua, mực, sò...), các loại snack gà, bò, thịt nướng, hành, hương Sambal, sữa dừa, chocolate...

Các nhãn hiệu bánh snack của Kinh Đô: Sachi, Bon-Bon, 9 Holes, Big Sea, Crab, Crocodile, Curry Chicken Snack, Dino,...

e) Bánh mì công nghiệp

Bánh tươi đóng gói công nghiệp: bánh mì tươi & bánh bông lan tươi

Bánh mì tươi đóng gói công nghiệp là loại bánh mì tươi được sản xuất và đóng gói trên dây chuyền sản xuất hiện đại có thời hạn sử dụng từ 07-09 ngày. Đáp ứng nhu cầu ăn sáng và ăn lót dạ tiện lợi của người tiêu dùng ngày càng tăng. Hiện nay Bánh mì tươi Aloha của Kinh Đô đang dẫn đầu thị trường bánh mì tươi đóng gói công nghiệp về thị phần và độ phủ nhờ vào yếu tố chất lượng sản phẩm, giá cả phải chăng và tính tiện lợi của nó (dễ tìm mua và dễ lưu trữ).

Ngoài ra, ngành hàng bánh tươi đóng gói công nghiệp của Kinh Đô còn có sản phẩm bánh bông lan tươi đóng gói công nghiệp có hạn sử dụng từ 9 -12 ngày.

Bánh bông lan hạn sử dụng dài ngày (9 tháng) – nhãn Solite

Bánh bông lan hạn sử dụng dài ngày được chế biến từ các nguyên liệu hảo hạng như bột mì nguyên chất, trứng gà tươi và nhân kem. Bánh bông lan dài ngày (tròn, cuốn, tầng) có nhiều loại như bơ sữa, dâu, dứa, socola và tiramisu. Đặc biệt, bánh bông lan dài ngày còn có loại 2 nhân mới gồm dâu-sữa và socola-sữa thật thơm ngon.

Bánh bông lan dài ngày hiện là dòng sản phẩm đóng góp chính cả về doanh số và lợi nhuận cho công ty.

f) Bánh trung thu

Bánh trung thu là mặt hàng có tính mùa vụ nhất, tuy nhiên lại có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn

trong tổng doanh thu của Công ty (trung bình 15%). Sản lượng bánh trung thu của Công ty cũng có tốc độ tăng trưởng rất cao: Sản lượng năm 1999 là 150 tấn, sản lượng năm 2009 là 2.100 tấn, như vậy giai đoạn từ 1999 đến 2011 sản lượng bánh trung thu đã tăng 13 lần. Sản lượng sản xuất hiện tại là gần 6,8 triệu cái/tháng. Hiện nay, Kinh Đô, Đồng Khánh, Đức Phát, Hỷ Lâm Môn, Bibica là những nhà sản xuất bánh trung thu lớn nhất Việt Nam, trong đó Kinh Đô hiện chiếm vị trí số một về sản lượng, doanh số (thị phần chiếm 76%) và công nghệ.

g) Kẹo cứng, mềm

Hai dòng kẹo chính hiện nay của Công ty là kẹo cứng Crundy và kẹo mềm Milkandy. Crundy –sự kết hợp mùi vị trái cây tươi mát cùng với Milkandy – sự hòa quyện mùi vị sữa thơm ngon đã tạo sự hấp dẫn với người tiêu dùng đáp ứng nhu cầu trên thị trường. Đội ngũ R&D chuyên nghiệp liên tục nghiên cứu phát triển để tạo ra những sản phẩm chất lượng mang tính đặc trưng và khác biệt nhằm khẳng định vị thế ngành kẹo Kinh Đô trên thị trường trong thời gian tới

h) Chocolate

Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm chocolate theo dạng viên tròn có nhân gồm: nhân snack, nhân nho, nhân đậu phộng,... Được sản xuất theo dây chuyền công nghệ hiện đại, chocolate Kinh Đô có chất lượng ổn định, thiết kế bao bì sang trọng, hấp dẫn.

i) Kem

MERINO và CELANO là thương hiệu kem thuộc mảng kinh doanh của Ki Do. Sự tăng trưởng ấn tượng của Ki Do đã khẳng định thành công của Kinh Đô trong việc tạo ra thương hiệu thống trị thị trường và gia nhập vào một ngành hàng hoàn toàn mới. Merino và Celano hiện có thị phần 29%, tăng trưởng thị trường là 27,8%.

Nhóm kem Merino

+ MERINO STICK (KEM QUE MERINO)

Merino X: Gồm các mùi chính là khoai môn, đậu xanh, cacao socola, đậu đỏ, Multipack X, sầu riêng, Merino Yeh.

Merino Core: Gồm các mùi: socola, trái cây, vani nhân socola, trái cây rừng, kem que sữa chua dâu.

+ MERINO CUP (KEM HŨ MERINO):

Gồm các mùi chính: chuối socola, sữa dừa, vani dâu, cốm sữa.

+ MERINO TUB (KEM HỘP MERINO):

Gồm các mùi chính khoai môn, vani socola, sữa dừa, cốm sữa, vani trứng, sầu riêng.

So với bao bì bắt mắt của các sản phẩm của Vinamilk, Monte Rosa, bao bì lỗi thời của nhãn hàng này là 1 điểm yếu trong cạnh tranh.

Nhóm kem Celano:

Celano là nhãn hàng cao cấp, dành cho khách hàng mục tiêu là người tiêu dùng thu nhập cao. Celano là nhãn hàng thay thế cho nhãn hàng Premium trước đây của KIDO, chính thức được tung ra thị trường vào

tháng 8 năm 2007.

Nhãn hàng kem Celano gồm 4 dòng sản phẩm chính là: Kem bánh, kem bánh extra, kem ly cao cấp, và kem hộp cao cấp

+ **CELANO CONE (KEM BÁNH HAY KEM ỐC QUẾ):** Gồm 4 mùi chính là Vani Socola, Vani Dâu, Vani, Multipack, Socola Extra, Vani Dâu Extra. Kem Celano Cone là loại sản phẩm tiêu biểu cho nhóm sản phẩm cao cấp của Kido.
+ **CELANO CUP:** Bao gồm các mùi vị chính sau: sữa chua Nam Việt Quất, Vani hạt dẻ, Sôcôla, Dâu.
+ **CELANO TUB (Kem hộp Celano cao cấp)**: Gồm 4 mùi chính là Socola, Dâu, Vani Thanh dâu và Cream hạt socola. Cũng như kem hộp Merino, kem hộp Premium không có sản lượng tiêu thụ cao bằng các loại kem que, kem hũ hay kem bánh. Một lý do nữa là đối tượng tiêu thụ kem hộp Celano bị giới hạn, chủ yếu là các khách hàng có thu nhập trung bình khá trở lên.

Nhóm kem kilo, Masuni

Ngoài ra Công ty còn sản xuất kem kilo nhắm tới các kênh như HORECA vì kênh này rất có tiềm năng với các hương vị vani, dừa, taro, khoai môn, socola, cam, vani trứng, sữa dừa, dâu, trái cây, sầu riêng.

j) Sữa chua

Ngành sữa chua của Kinh Đô với nhãn hàng sữa chua WelYo có tốc độ tăng trưởng gấp 3 lần so với tăng trưởng bình quân ngành (10%). Sữa và các sản phẩm từ Sữa là một phần của chiến lược Food & Flavor của Kinh Đô và thông qua việc tận dụng nền tảng kinh doanh, tiếp thị và phân phối đã có, Kinh Đô đã đạt 8% thị phần cho ngành hàng mới này chỉ trong một thời gian ngắn.

Nhóm Sữa chua WELL YO:

+ **Well Yo Home:**

  Gồm 3 hương vị: tự nhiên, xoài, nha đam.

  Năm 2008, nhóm Sữa chua WellYo-Home đã cải thiện chất lượng sản phẩm bằng cách bổ sung thêm Vitamin E đã làm tăng giá trị dinh dưỡng cho sản phẩm giúp cho người tiêu dùng sản phẩm càng ưa thích hơn.

  Đối tượng khách hàng mục tiêu: dành cho người lớn và gia đình.

+ **Well Yo Kidz:**

  Gồm 2 hương vị: tự nhiên, dâu. Sản phẩm này dành cho khách hàng là trẻ em.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA KINH ĐÔ

Cookies	Crackers	Bánh Quế
Bánh mì	**Bánh trung thu**	**Slide và layer cakes**
Kem Celano Cone	**Kem Celano Tub**	**Sữa chua WellYo**

7.2. Doanh thu, lãi gộp qua các năm

a) Sản lượng từng nhóm sản phẩm qua các năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 4. Sản lượng từng nhóm sản phẩm của năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Khoản mục	2011		2012		QI/2013	
	Lượng (thùng)	Tỷ trọng	Lượng (thùng)	Tỷ trọng	Lượng (thùng)	Tỷ trọng
COOKIES	968.221	2,7%	536.074	1,4%	187.876	5%
BÁNH TRUNG THU	17.582.411	49,8%	20.841.255	55,7%	0	0
CRACKER	2.868.705	8,1%	3.527.325	9,4%	887.967	23%
SNACK	912.495	2,6%	699.257	1,9%	141.739	4%
BÁNH MÌ	4.341.982	12,3%	3.143.603	8,4%	615.597	16%
BÁNH BÔNG LAN	3.648.849	10,3%	2.676.682	7,2%	606.069	16%
KẸO	359.692	1,0%	274.567	0,7%	44.203	1%
KEM & SỮA CHUA	4.227.754	12,0%	5.475.661	14,6%	1.347.037	35%
KHÁC	370.899	1,1%	0	0,0%	66.967	2%
Tổng cộng	**35.281.008**	**100%**	**37.421.732**	**100%**	**3.897.455**	**100%**

(Nguồn: KDC)

b) Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 5. Doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Khoản mục	2011		2012		QI/2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
COOKIES	331.275	7,8%	229.487	5,4%	82.596	10%
BÁNH TRUNG THU	650.087	15,4%	742.997	17,3%	0	0
CRACKER	831.867	19,7%	886.581	20,7%	213.987	27%
SNACK	158.293	3,7%	162.543	3,8%	31.245	4%
BÁNH MÌ	554.888	13,1%	502.477	11,7%	100.909	13%
BÁNH BÔNG LAN	861.889	20,4%	774.558	18,1%	161.986	20%
KẸO	125.040	3,0%	101.678	2,4%	19.801	2%
KEM & SỮA CHUA	606.492	14,3%	767.939	17,9%	176.948	22%
KHÁC	81.143	1,9%	117.537	2,7%	73.898	2%
Tổng cộng	**4.230.169**	**100%**	**4.285.797**	**100%**	**806.905**	**100%**

(Nguồn: KDC)

Đồ thị 1. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2012

(Nguồn: KDC)

c) Lãi gộp qua các năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 6. Lãi gộp của KDC năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Khoản mục	2011	2012	QI/2013
Lợi nhuận gộp	1.673.139.690	1.869.045.604	305.616.979

(Nguồn: KDC)

7.3. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính được Công ty sử dụng trong sản xuất bánh khô bao gồm bột mì, đường, trứng, sữa, dầu ăn, bơ shortening, hương liệu khác.

Nguyên liệu chính được sử dụng sản xuất bánh trung thu bao gồm: bột mì Trung Quốc SPIII, bột nếp, đường kính trắng đặc biệt, trứng vịt muối, nước cốt dừa, hạt sen, trà xanh, khoai môn, đậu xanh, hương liệu khác.

Vật liệu phụ gồm các loại bao bì đóng gói sản phẩm từ chất liệu polypropylene, KOP,...

a) Nguồn nguyên vật liệu

Các nguyên liệu cơ bản như đường, trứng, bột được mua trong nước theo phương thức đấu thầu chọn giá.

Một số loại nguyên liệu như sữa bột, nguyên liệu sản xuất chocolate được nhập khẩu.

Các phụ gia như dầu, muối, hương liệu hầu hết được mua từ các doanh nghiệp trong nước.

Bao bì được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn và có uy tín.

Bảng 7. Danh sách nhà cung cấp nguyên liệu cho KDC

STT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp
1	Đường	Công ty TNHH Quốc tế Nagajuna
2	Bột mì	Công ty Bột mì Bình Đông
3	Sữa	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
4	Trứng	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn
5	Dầu ăn các loại	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An
6	Gia vị	Công ty Vianco
7	Carton	Công ty Công nghiệp Tân Á
8	Giấy cuộn	Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
9	Hũ nhựa, khay	Công ty TNHH Nhựa Đại Đồng Tiến
10	Dầu DO	Công ty Xăng dầu Khu vực II
11	Gas	Công ty Gas Công nghiệp

(Nguồn: KDC)

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty đều có nhà máy đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy nguồn nguyên liệu luôn có sẵn, chi phí vận chuyển không đáng kể.

Trứng và sữa là nông sản từ gia cầm và bò, đang được sản xuất với quy mô lớn và được sử dụng rộng rãi tại thị trường Việt Nam. Những năm vừa qua, do nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng nhanh nên số lượng gia cầm và bò được chăn nuôi tại hộ gia đình, trang trại và các doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn cũng tăng mạnh. Nhìn chung nguồn cung cấp trứng, sữa là tương đối ổn định.

Bột mì được cung cấp bởi các công ty trong nước (Công ty Bột mì Bình Đông, Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Bột Mì,...)

Hiện nay ở nước ta có rất nhiều công ty sản xuất đường và các loại gia vị (dầu ăn, muối, hương liệu,...), các sản phẩm ngoại cũng tràn ngập thị trường với mức giá cạnh tranh. Vì vậy không có sự hạn chế về lượng đối với loại nguyên liệu này.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65% - 75% giá thành sản phẩm, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Do thị trường sản phẩm của Công ty có tính cạnh tranh cao, nên Công ty không thể điều chỉnh ngay giá bán ra sản phẩm khi giá nguyên vật liệu tăng, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm trong ngắn hạn. Trong dài hạn, nếu thị trường đồng loạt điều chỉnh giá bán sản phẩm do ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu, thì việc tăng giá bán của Công ty có thể thực hiện được, làm tăng doanh thu và triệt tiêu được ảnh hưởng của việc thay đổi giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

7.4. Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc kiểm soát quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của Kinh Đô được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm thực hiện công việc

đúng ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Hàng tháng bộ phận Kế toán quản trị và giá thành lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất, báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau, từ Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính đến Tổng Giám đốc điều hành.

Hơn nữa, do dây chuyền sản xuất của Công ty hầu hết đều còn mới và hiện đại nên mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm ở mức thấp.

Quản lý chi phí tốt, mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp, vì vậy chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Bảng 8. Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với doanh thu

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Quý I/2013	
		Giá trị (1.000 đồng)	% DTT	Giá trị (1.000 đồng)	% DTT	Giá trị (1.000 đồng)	% DTT
1	Giá vốn hàng bán	2.573.745.940	61%	2.416.751.840	56%	501.287.936	62%
2	Chi phí bán hàng	943.673.597	22%	958.733.196	22%	179.660.227	22%
3	Chi phí quản lý DN	331.706.404	8%	343.004.410	8%	79.968.136	10%
4	Chi phí hoạt động tài chính	180.679.651	4%	190.339.813	4%	16.342.702	2%
	Tổng cộng	**4.029.805.592**	**95%**	**3.908.829.260**	**91%**	**777.259.001**	**96%**

(Nguồn: KDC)

Bảng 9. Sự biến động các khoản mục chi phí trong 2 năm gần nhất

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2011 (1.000 đồng)	Năm 2012 (1.000 đồng)	% +/- so với năm 2011
1	Giá vốn hàng bán	2.573.745.940	2.416.751.840	-6%
2	Chi phí bán hàng	943.673.597	958.733.196	2%
3	Chi phí quản lý DN	331.706.404	343.004.410	3%
4	Chi phí hoạt động tài chính	180.679.651	190.339.813	5%
	Tổng cộng	**4.029.805.592**	**3.908.829.260**	**-3%**

(Nguồn: KDC)

7.5. Trình độ công nghệ

Hiện nay Kinh Đô đang sở hữu những dây chuyền sản xuất bánh kẹo hiện đại nhất tại Việt Nam, trong đó có nhiều dây chuyền thuộc loại hiện đại nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương và thế giới. Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty được trang bị mới, mỗi dây chuyền sản xuất từng dòng sản phẩm là một sự phối hợp tối ưu các máy móc hiện đại có xuất xứ từ nhiều nước khác nhau.

Bảng 10. Công suất thiết kế của các dây chuyền sản xuất KDC

Dây chuyền sản xuất	Công suất (tấn/tháng)
Cookies	1.150
Cracker	1.800
Bánh quế	500
Cakes	1.100
Bánh mì	2.200
Snacks	160
Chocolate	80
Kẹo cứng, mềm	260

(Nguồn: KDC)

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, xem đây là nhiệm vụ không chỉ của riêng bộ phận Nghiên cứu Phát triển (R&D) mà còn là trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động nghiên cứu phát triển của Công ty được tiến hành khá đa dạng, bao gồm:

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, từ khâu sơ chế nguyên vật liệu, chế biến, định hình đến khâu đóng gói, bảo quản sản phẩm.
- Nghiên cứu biện pháp cải tiến các sản phẩm hiện có về chất lượng, kiểu dáng, bao bì.
- Nghiên cứu việc sản xuất sản phẩm trên các dây chuyền Công ty mới đầu tư hoặc dự kiến đầu tư.
- Nghiên cứu việc sử dụng các nguyên vật liệu mới vào quá trình sản xuất sản phẩm.
- Nghiên cứu việc sản xuất các sản phẩm xuất khẩu nhằm đảm bảo yêu cầu của khách hàng nước ngoài đối với các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm.

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng. Hiện nay bộ phận R&D của Công ty có hơn 20 chuyên gia về lĩnh vực chế biến thực phẩm được đào tạo cơ bản từ các trường Đại học trong và ngoài nước, có nhiều kinh nghiệm thực tế và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập. Ngoài việc cử nhân viên sang nước ngoài tham gia các khóa học ngắn hạn, hàng năm, Công ty còn mở các khóa đào tạo ngắn hạn về công nghệ sản xuất mới cho đội ngũ nhân viên R&D với sự giảng dạy của các chuyên gia nước ngoài. Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên R&D tiếp cận với những thông tin mới nhất về sản phẩm mới, công nghệ mới, xu hướng mới của thị trường,...

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000,

do tổ chức BVQI của Anh Quốc chứng nhận tháng 10/2002.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt. Từ năm 2002 đến nay, Công ty đã được tổ chức BVQI tiến hành tái đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của Công ty 16 lần (theo chu kỳ cứ 6 tháng tái đánh giá một lần) với kết quả tốt.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện bởi bộ phận Quản lý Kiểm soát Đảm bảo Chất lượng (Q&A)và bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D).

c) Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm

An toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề được Công ty hết sức chú trọng, xem đây là một trong những tiêu chí tạo nên sức cạnh tranh của sản phẩm Kinh Đô. Việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện liên tục từ khâu nguyên liệu đến khâu bán hàng rất chặt chẽ như sau:

Đối với nguyên liệu*:*

- Công ty luôn cập nhật các quy định của Bộ Y tế Việt Nam và của các nước thuộc thị trường xuất khẩu của Công ty để khống chế lượng phụ gia sử dụng trong sản phẩm nhằm không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến sức khoẻ của người tiêu dùng.
- Sử dụng nguồn nguyên liệu nhập từ những nhà cung cấp có tên tuổi, uy tín nhằm đảm bảo nguồn gốc và chất lượng của những loại nguyên liệu sử dụng.
- Kiểm tra chặt chẽ nguyên liệu đầu vào về chất lượng vệ sinh, tình trạng bao gói, giấy tờ chứng nhận chất lượng từ nhà cung cấp.

Trong quá trình sản xuất:

- Đặt ra các quy định chặt chẽ về vệ sinh trong quá trình sản xuất. Các công nhân tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đều được trang bị những kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, tất cả đều phải mang găng tay, khẩu trang, đội mũ trùm đầu. Các dụng cụ sản xuất và chứa nguyên liệu được vệ sinh thường xuyên và định kỳ theo chế độ riêng cho từng bộ phận trên dây chuyền sản xuất.
- Luôn có một đội ngũ nhân viên kiểm soát chất lượng (nhân viên QC) đảm nhận việc theo dõi, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện việc lấy mẫu sản phẩm để kiểm tra vi sinh tại phòng Thí nghiệm của Công ty. Trong trường hợp cần kiểm tra các chỉ tiêu phức tạp, mẫu sản phẩm sẽ được gửi tới Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh để tiến hành phân tích.

Đối với thành phẩm:

- Thành phẩm được đóng gói trong bao bì kín, đảm bảo vệ sinh.
- Công ty tổ chức hướng dẫn nhân viên bán hàng và nhà phân phối cách bảo quản, trưng bày sản phẩm theo đúng yêu cầu của từng loại sản phẩm tránh tình trạng sản phẩm bị hư hỏng trước hạn sử dụng.
- Công ty khuyến khích người tiêu dùng đổi, trả sản phẩm nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

7.8. Báo cáo hoạt động đầu tư và hiệu quả đầu tư

1. Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng nhà máy kem
   - Giá trị đầu tư: 22,3 tỷ
   - Giá trị hiện tại ròng (NPV): 19 tỷ
   - Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 65%
   - Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI): 43%
   - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần thường (ROCE): 66%
   - Thời gian hoàn vốn: 1 năm 8 tháng
2. Đầu tư thêm tủ kem:
   - Giá trị đầu tư: 25,6 tỷ
   - NPV: 11,3 tỷ
   - IRR: 49%
   - ROI: 44%
   - ROCE: 38%
   - Thời gian hoàn vốn: 1 năm 7 tháng
3. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất dòng bánh sanwich:
   - Giá trị đầu tư: 6,6 tỷ
   - NPV: 7,6 tỷ
   - IRR: 40%
   - ROI: 111%
   - Thời gian hoàn vốn: 3 năm 4 tháng
4. Đầu tư dây chuyền Cracker:
   - Giá trị đầu tư: 112 tỷ
   - NPV: 196 tỷ
   - IRR: 34%
   - Thời gian hoàn vốn: 6,1 năm

7.9. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động nghiên cứu thị trường

Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể là:

Tiến hành thu thập ý kiến người tiêu dùng trong quá trình bán hàng thông qua đội ngũ nhân viên tiếp thị của Công ty và nhà phân phối, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi để cải tiến sản phẩm và sản xuất những sản phẩm mới.

Thông qua các công ty tư vấn chuyên nghiệp, Công ty tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường, khảo sát thăm dò hiệu quả các chiến dịch quảng cáo của Công ty đối với người tiêu dùng, khảo sát cho mục đích xây dựng thương hiệu Công ty,.....

Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản phẩm và chiến lược kinh doanh nói chung của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

b) Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ cộng đồng (PR)

Chính sách quảng cáo tiếp thị của Công ty được thực hiện khá nhất quán với mục tiêu vừa đảm bảo tính hiệu quả của quảng cáo, vừa giữ cho chi phí quảng cáo ở mức hợp lý để không làm tăng giá thành sản phẩm. Trên thực tế, Công ty thường tiến hành các chiến dịch quảng cáo theo mùa đối với những sản phẩm mang tính mùa vụ như bánh trung thu, bánh cookies làm quà biếu vào dịp lễ Tết; các chiến dịch quảng cáo sản phẩm mới trước khi tung sản phẩm mới ra thị trường; quảng cáo trong các chương trình do Công ty tài trợ,...

Công ty áp dụng nhiều chương trình khuyến mãi. Các chương trình này thường gắn liền với các dịp lễ, Tết như Trung thu, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ,... Các chương trình khuyến mãi của Công ty thường thu được hiệu quả nhanh chóng do có tác động đến người tiêu dùng cuối cùng sản phẩm của Công ty. Công ty cũng rất chú ý xây dựng những hình thức khuyến mãi mới lạ, hấp dẫn để thu hút người tiêu dùng.

Công ty tham gia nhiều hội chợ thương mại trong nước và quốc tế, hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm với mục tiêu quảng bá thương hiệu.

Bằng việc tham gia hàng loạt các hoạt động xã hội, tài trợ cho nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, Công ty đã tạo nên hình ảnh đẹp của Kinh Đô trong lòng người tiêu dùng, trong đó nổi bật nhất là công tác từ thiện xã hội. Trong năm 2011, Kinh đô đã tham gia nhiều hoạt động tài trợ từ thiện, xã hội nhằm tiếp tục khẳng định với cộng đồng sự quan tâm đến lợi ích xã hội của Kinh Đô, cụ thể một số hoạt động chính như sau:

Kinh Đô đã tài trợ kinh phí trang bị phòng máy tính cho trường THCS Thạnh An huyện Cần Giờ. Đây là một trong những hoạt động xã hội trọng tâm mà Kinh Đô luôn hướng đến: chăm lo cho thế hệ trẻ.

Trong các dịp lễ Tết, Trung thu, Quốc tế thiếu nhi,... Kinh Đô phối hợp cùng Quỹ Bảo Trợ Trẻ em Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ chức Tp. HCM, Hội chữ thập đỏ và các cơ quan hữu quan tổ chức thăm và tặng quà cho các hộ gia đình và đặc biệt là học sinh, trẻ em nghèo trên địa bàn cả nước.

c) Hệ thống phân phối

Kinh đô hiện phân phối sản phẩm chủ yếu qua kênh bán hàng truyền thống (GT). Bên cạnh đó, Kinh Đô cũng chú trọng đa dạng hóa kênh phân phối bằng việc phân phối qua nhiều kênh khác như hệ thống siêu thị, hệ thống bakery, kênh thời vụ, kênh trường học, khu vui chơi giải trí,...

- ***Hệ thống đại lý, nhà phân phối:*** Công ty là doanh nghiệp bánh kẹo có hệ thống đại lý trong nước lớn nhất với 300 nhà phân phối, 200.000 điểm bán lẻ và 1.600 nhân viên bán hàng, 236 giám sát bán hàng và 55 Giám đốc kinh doanh khu vực và miền trên toàn quốc. Doanh thu bán hàng qua kênh phân phối này chiếm 82% doanh thu toàn Công ty.
- ***Hệ thống siêu thị:*** Các sản phẩm của Công ty đã trở thành mặt hàng quen thuộc trong hầu hết hệ thống siêu thị trong các thành phố lớn cả nước, chủ yếu tập trung tại Tp.HCM và Hà

Nội. Doanh thu từ kênh phân phối hiện đại chiếm khoảng 7% doanh thu thuần Công ty.

- ***Hệ thống Bakery:*** Thông qua hệ thống chuỗi cửa hàng người tiêu dùng đã có thể mua được sản phẩm của Kinh Đô một cách thuận lợi nhất thông qua 40 cửa hàng có quy mô lớn trên các con đường chính của Tp.Hồ Chí Minh và Hà Nội. Hệ thống phân phối này có triển vọng phát triển mạnh không chỉ ở Tp.HCM và Hà Nội mà còn ở các địa phương khác do việc triển khai mô hình kinh doanh nhượng quyền đã và đang được áp dụng.

Sơ đồ 3. Hệ thống phân phối của Kinh Đô

d) Chính sách giá

Công ty luôn thực hiện chính sách giá phù hợp cho từng phân khúc thị trường. Giá cung cấp cho các nhà phân phối là giá bán sỉ trừ đi chiết khấu cho từng loại sản phẩm. Tỷ lệ chiết khấu dành cho nhà phân phối của Kinh Đô khá cao so với các đối thủ cạnh tranh, vì vậy việc mở rộng mạng lưới phân phối của Kinh Đô tương đối dễ dàng.

7.10. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty Cổ phần Kinh Đô đang sử dụng:

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty đang sử dụng cho tất cả sản phẩm kinh doanh là nhãn hiệu "KINH ĐÔ" của Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô. Nhãn hiệu này đã được Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu hàng hóa số 43960 Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học – Công nghệ cấp ngày 11/11/2002. Nhãn hiệu này cũng đã được đăng ký

bảo hộ tại các nước Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Campuchia và Nigeria.

Nhãn hiệu "KINH ĐÔ" là tài sản cố định vô hình trị giá 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*) thuộc vốn góp cổ phần của Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô vào Công ty Cổ phần Kinh Đô. Vì thương hiệu Kinh Đô là tài sản cố định vô hình nên Công ty không phải trả phí lixăng sử dụng thương hiệu (trong khi Kinh Đô Miền Bắc phải trả phí lixăng sử dụng thương hiệu là 1% doanh thu hàng năm), chi phí thương hiệu hàng năm chính là khoản trích khấu hao trong 20 năm. Do chi phí thương hiệu là khoản chi phí mang tính chất cố định hàng năm, nên Công ty có điều kiện rất thuận lợi trong việc quản lý chi phí, khai thác thương hiệu, mở rộng thị phần và tăng doanh thu.

7.11. Một số hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011, 2012

Bảng 11. Tổng hợp các hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011, 2012

STT	Số Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng (1.000 đồng)
1	01/2011/KĐBD-MPPL	01/04/2011	Cty TNHH SX Bao Bì Kim Loại & In Trên Kim Loại	Cung cấp bao bì	10.140.900
2	03/2011/KĐBD-MYCHAU	09/03/2011	Cty CP In & Bao bì Mỹ Châu	Cung cấp bao bì	10.111.750
3	061/04/2011/KĐBD-SV	06/04/2011	Cty CP Bao bì Biên Hòa	Cung cấp bao bì	18.172.000
4	15/02/2011/KĐ-FCC	15/02/2011	Cty TNHH Hóa Chất & Thực Phẩm	Cung cấp nguyên liệu	11.402.875
5	30/05/2011/HĐKT/KĐ-BH	30/05/2011	Cty TNHH Ba Huân	Cung cấp nguyên liệu	13.440.000
6	13/06/2011/KĐ-TĐ	13/06/2011	Cty TNHH TM- DV- SX Trí Đức	Cung cấp nguyên liệu …	11.415.800
7	16/05/2011/KĐBD-NG	16/05/2011	Cty TNHH TM- DV Nam Giang	Cung cấp Màu, Bột nhũ hóa, các loại Tinh dầu …	20.557.615
8	1306/2011/KĐ-TTH	13/06/2011	Cty TNHH 1 TV Tân Tứ Hưng	Cung cấp nguyên liệu	15.499.000
9	MCC/HG/01/2011	26/01/2011	Cty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	Cung cấp Đồ điện (TV, Máy giặt, Nồi cơm điện)	7.455.353
10	02/2011/KĐBD-DUOC	07/04/2011	Cty CP Bao bì Dược	Cung cấp bao bì	8.414.450

(Nguồn: KDC)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% +/- so với 2011	Quý I/2013
1	Tổng tài sản	5.809.421.381	5.514.704.462	-5%	6.083.392.802
2	Doanh thu thuần	4.246.885.630	4.285.797.443	1%	806.904.915
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	344.572.852	510.249.962	48%	51.733.150
4	Lợi nhuận khác	(2.285.214)	(20.322.008)	789%	(3.376.886)
5	Lợi nhuận trước thuế	349.181.200	489.927.954	40%	48.356.264
6	Lợi nhuận sau thuế	278.635.437	357.429.691	28%	32.636.887
7	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông KDC (đã trừ đi lợi ích cổ đông thiểu số)	273.552.212	353.944.403	29%	33.673.740
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	52,8%	88,0%	67%	

(Nguồn: KDC)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013

a) Thuận lợi

- Thương hiệu Kinh Đô ngày càng có uy tín trong và ngoài nước.
- Công ty đã thực hiện khá thành công chiến lược sáp nhập, liên doanh, liên kết, hợp tác và đa dạng hóa ngành nghề do đó tiếp cận được với công nghệ mới, kinh nghiệm làm ăn của đối tác nhất là các đối tác quốc tế.
- Hệ thống Bakery của Kinh Đô ngày càng mở rộng với nhiều hình thức khuyến mãi hấp dẫn đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

b) Khó khăn

- Cạnh tranh trong ngành ngày một gay gắt hơn, đặc biệt sự cạnh tranh đến từ các công ty nước ngoài, trong đó đáng chú ý là Công ty TNHH Thực phẩm Orion Việt Nam.
- Thị trường chứng khoán và bất động sản đang kém hấp dẫn và thiếu tính thanh khoản sẽ gây trở ngại trong việc thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán và triển khai dự án bất động sản của Kinh Đô.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện Kinh Đô là công ty dẫn đầu ngành bánh kẹo ở Việt Nam. Kinh Đô đã tạo được lợi thế cạnh tranh và đang tăng trưởng bền vững trong thị trường bánh kẹo nhờ các yếu tố sau:

Danh mục sản phẩm đa dạng. KDC sở hữu danh mục đa dạng với hơn 500 chủng loại sản phẩm bao gồm tất cả các mảng kinh doanh trong ngành bánh kẹo, bao gồm bánh cookies, bánh trung thu, bánh cracker, bánh quế, bánh mỳ công nghiệp, bánh bông lan, kẹo và snack..., phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hàng ngày cũng như dùng để làm quà tặng biếu. Sản phẩm của Công ty hướng đến mọi nhóm khách hàng bao gồm trẻ em, thanh niên, người lớn tuổi cũng như tới tất cả các thành phần từ người lao động, học sinh, văn phòng, nội trợ...

Điều này cho phép KDC xâm nhập vào tất cả các phân khúc trên thị trường bánh kẹo, giúp Công ty trở thành một trong những công ty dẫn đầu trên thị trường. Các công ty bánh kẹo khác hiện chỉ có thế mạnh ở một số nhóm sản phẩm nhất định như Orion Việt Nam với bánh Chocopie Orion, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (Hữu Nghị) với bánh mỳ công nghiệp (nhãn hàng Staff và Lucky) và bánh trứng nướng Tipo, Công ty cổ phần Bibica với sản phẩm bánh bông lan và kẹo, Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà (HHC) với sản phẩm kẹo "Chew Hải Hà" và các công ty nước ngoài chủ yếu mạnh về bánh cookies và cracker. Các công ty này có thể mạnh hơn ở một vài phân khúc nào đó nhưng rất khó cạnh tranh với KDC ở tất cả các dòng sản phẩm của thị trường.

Hệ thống phân phối sâu rộng tạo lợi thế cạnh tranh

KDC là một trong những công ty có hệ thống phân phối sâu và rộng nhất trong ngành thực phẩm hiện nay. Độ phủ rộng khắp, độ kết dính cao giữa các thành viên trong hệ thống phân phối đã tạo ra hệ thống phân phối mạnh. Hệ thống này đã và đang giúp Kinh Đô tạo được lợi thế cạnh tranh cũng như tạo ra rào cản gia nhập ngành của các công ty đối thủ cạnh tranh khác.

So sánh với các công ty khác trong ngành như Công ty Cổ phần Bibica (BBC), Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (Hữu Nghị), hệ thống phân phối của KDC tỏ ra hơn hẳn nhờ độ phủ nhà phân phối và điểm bán lẻ trên toàn quốc (xem bảng 12). Nhờ vậy, KDC có nhiều ưu thế và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận khách hàng và thực hiện các chương trình tung các sản phẩm mới.

Theo xu hướng tất yếu, kênh thương mại hiện đại ngày càng phổ biến và đóng vai trò quan trọng hơn trong phân phối. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu qua kênh này hiện vẫn còn rất thấp ở KDC do công ty chưa muốn phụ thuộc quá nhiều vào các chính sách bán hàng của các siêu thị.

Bảng 12. Hệ thống phân phối của một số công ty trong ngành bánh kẹo Việt Nam

Công ty	Số lượng nhà phân phối	Điểm bán lẻ	Khu vực phân phối
KDC	300	200.000	Cả nước
BBC	90	61.000	Cả nước
Orion Việt Nam	229	78.292	Cả nước
Hữu Nghị	100	45.000	Cả nước
HHC	100	N/A	Cả nước

Chiếm lĩnh thị trường bánh kẹo trong nước. Với doanh thu thuần năm 2011 đạt hơn 4.247 tỷ đồng, Kinh Đô là công ty bánh kẹo lớn nhất nước hiện nay (xem đồ thị 2). So với các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo nội địa, Kinh Đô hiện chiếm khoảng 29% thị phần, trong khi các đối thủ cạnh tranh chính chiếm thị phần khá khiêm tốn so với KDC (Orion Việt Nam: 17%, BBC: 7,3%, Hữu Nghị 7%). Có thể nói, với vai trò của Công ty dẫn đầu ngành, những chính sách của

Kinh Đô mang tính dẫn dắt thị trường khá lớn. Nhờ vậy, công ty gặp thuận lợi hơn trong việc chủ động đưa ra những thay đổi về giá và phương thức bán hàng.

Hiện KDC hoàn toàn thống lĩnh trong ngành bánh trung thu (76% thị phần) và rất mạnh trong một số nhóm sản phẩm khác như cracker (bánh AFC chiếm 55,9% thị phần), bánh bông lan, bánh cookies,... Điều này tạo điều kiện thuận cho Kinh Đô trong việc điều chỉnh giá bán khi thực hiện chiến lược ổn định lợi nhuận trong điều kiện giá nguyên liệu đầu vào biến động bất lợi.

Thực tế là trong năm 2008, khi giá các loại nguyên vật liệu như lúa mỳ, dầu ăn, sữa... tăng mạnh, biên lợi nhuận của Kinh Đô vẫn duy trì ở mức khá tốt (ở mức 25% - 26% như các năm trước). Sang năm 2012, khi giá bình quân nguyên vật liệu đầu vào giảm, giá bán vẫn không giảm và việc kiểm soát chi phí sản xuất tốt hơn đã giúp Kinh Đô có mức biên lợi nhuận gộp cao nhất từ trước đến nay (44%).

Đồ thị 2. Doanh thu một số công ty bánh kẹo năm 2012 (tỷ đồng)

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2012 của KDC, Công ty Cổ phần Bibica và Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà)

Thương hiệu mạnh nhờ các hoạt động marketing hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Với hơn 18 năm có mặt trên thị trường nội địa, thương hiệu Kinh Đô đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng từ thành thị đến các vùng nông thôn. Đặc biệt, sản phẩm bánh trung thu Kinh Đô xuất hiện trong mỗi mùa Tết Trung Thu đã giúp cho thương hiệu Công ty được nhận diện mạnh mẽ bởi hầu hết các người tiêu dùng Việt. Thương hiệu của KDC còn được khẳng định qua hàng loạt các giải thưởng uy tín: đứng thứ 4 trong danh sách các thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, và liên tục được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm liền.

Chiến lược của KDC chú trọng tập trung vào thương hiệu để duy trì độ nhận biết của người tiêu dùng và phát triển giá trị thương hiệu. Ngân sách đầu tư cho hoạt động này tăng lên đáng kể trong những năm qua và đã thúc đẩy doanh thu công ty tăng trưởng nhanh chóng. Đây là thế mạnh cạnh tranh của KDC so với các công ty đối thủ khác và là rào cản quan trọng khi các công ty khác xâm nhập vào lĩnh vực này.

Tiết kiệm chi phí thông qua quy mô sản xuất lớn. Với quy mô mua hàng lớn nên KDC có nhiều lợi thế trong việc đàm phán giá cũng như tăng cường các điều khoản có lợi cho mình, trong khi đó, các Công ty khác không có được lợi thế này. Đây là một lợi thế giúp KDC có biên lợi nhuận gộp cao hơn so với các công ty khác như Bibica và Hải Hà (xem đồ thị 3).

Đồ thị 3. Biên lợi nhuận gộp của KDC, BBC và HHC giai đoạn năm 2010 – 2012

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2010, 2011 và 2012 của KDC, Công ty Cổ phần Bibica – BBC, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà – HHC)

Đa dạng hóa thị trường. Cạnh tranh gay gắt trong ngành hàng tiêu dùng, đặc biệt đối với ngành bánh kẹo đòi hỏi các công ty luôn tìm kiếm những thị trường mới cả trong và ngoài nước để duy trì và thúc đẩy tăng trưởng. Một thị trường mới phát triển sẽ giúp công ty giảm bớt rủi ro suy giảm hoạt động khi một thị trường hiện tại bị ảnh hưởng tiêu cực từ cạnh tranh.

Doanh thu xuất khẩu của KDC mới chiếm khoảng 10% tổng doanh thu công ty. Trong tương lai, công ty sẽ nỗ lực để có vị trí tốt hơn tại các thị trường chủ lực: Nhật, Mỹ và Campuchia.

Vị thế về tài chính

Bảng 13. Một số chỉ tiêu tài chính của các công ty trong ngành bánh kẹo năm 2012

Khoản mục	Đơn vị tính	KDC	Bibica	Hải Hà
Tổng tài sản	Tỷ đồng	5.514,7	768,4	300,3
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.010,3	579,1	184,8
Doanh thu	Tỷ đồng	4.311,9	939,0	681,2
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	353,9	25,9	21,9
Lợi nhuận biên	%	8,2%	2,8%	3,2%
ROA	%	6,4%	3,4%	7,3%
ROE	%	8,8%	4,5%	11,8%

(Nguồn: Báo cáo quyết toán 2012 của các công ty KDC, Công ty Cổ phần Bibica và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà)

Tại thời điểm 31/12/2012, tổng tài sản và nguồn vốn sở hữu của KDC lần lượt là 5.514,7 tỷ đồng và 4.010,3 tỷ đồng (trong đó, thặng dư vốn là 2.189,7 tỷ đồng), lớn hơn rất nhiều so với các công ty bánh kẹo khác trong ngành.

Trong giai đoạn phục hồi kinh tế sau khủng hoảng, tiềm lực tài chính mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Kinh Đô thực hiện các chiến lược đầu tư tăng trưởng thông qua việc mua bán, sáp nhập các công ty trong ngành thực phẩm vào Tập đoàn Kinh Đô.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành thực phẩm

Với dân số hơn 89 triệu người và thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng khá trong tương lai, Việt Nam được coi là một trong những nước đầy tiềm năng phát triển trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và bán lẻ.

Ngành bánh kẹo có nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ các yếu tố sau:

- Thứ nhất, mức tiêu thụ bánh kẹo bình quân đầu người của Việt Nam hiện ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Cụ thể, mức tiêu thụ bánh kẹo đầu người của Việt Nam năm 2007 chỉ ở mức 4,8 USD/người/năm, thấp hơn rất nhiều so với mức tiêu thụ bình quân đầu người ở Ấn Độ, Trung Quốc và Phillippines.Vậy nên, thị trường bánh kẹo trong nước còn nhiều cơ hội để có thể đạt tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới.
- Thứ hai, quy mô dân số lớn và mức thu nhập bình quân đầu người đang tăng trưởng nhanh trong thời gian gần đây. Mức chi tiêu cho sản phẩm bánh kẹo sẽ tăng lên cùng với mức tăng thu nhập bình quân đầu người. Theo dự báo của BMI, trong vòng 5 năm tới thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam có thể sẽ tăng trưởng với mức trung bình là 8%/năm.

Trong giai đoạn 2013-2016, tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2013-2016, ước đạt 22.985 tỷ đồng trong năm 2016, tăng 45% so với năm 2012 (theo báo cáo ngành bánh kẹo Quý II/2012 – BMI).

Đồ thị 4. Doanh thu bánh kẹo Việt Nam 2013 – 2016 (tỷ đồng)

(Nguồn: BMI)

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động chính thức của Công ty tại thời điểm 31/03/2013 là 5.670 người, cơ cấu

lao động theo chức năng quản lý và trình độ được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 14. Cơ cấu lao động theo chức năng quản lý

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	Ban Tổng Giám đốc	16	0,3%
2	Lãnh đạo phòng ban, Phân xưởng	136	2,4%
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng, phát triển kinh doanh	2.037	35,9%
4	Công nhân	3.223	56,8%
5	Tạp vụ, Bảo vệ, tài xế, kho	258	4,5%
	Tổng cộng	**5.670**	**100,0%**

(Nguồn: KDC)

Bảng 15. Cơ cấu lao động theo trình độ

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	Trên đại học	18	0,3%
2	Đại học	847	14,9%
3	Trung cấp, Cao đẳng	650	11,5%
4	Khác	4.155	73,3%
	Tổng cộng	**5.670**	**100,0%**

(Nguồn: KDC)

10.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao

động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để "chiêu hiền đãi sĩ", thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001:2000. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Trung tâm Đào tạo Kinh Đô (KTC). Các chương trình đào tạo của KTC chú trọng vào nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm, ISO,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương tháng, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương công nhật, hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: thưởng cổ phiếu và bán cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường.

11. Chính sách cổ tức

Trong hơn 9 năm hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty đều duy trì mức lợi

nhuận cao và mức cổ tức ổn định cho cổ đông.

Đồ thị 5. Mức trả cổ tức bằng tiền của KDC giai đoạn 2004 – 2012 (đồng/cp)

(Nguồn: KDC)

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Trong năm 2012, KDC sử dụng thặng dư vốn cổ phần để phát hành 26.403.744 cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 20%).

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh KDC tính đến thời điểm 31/03/2013

Khoản mục (Đvt: triệu đồng)	Vốn vay	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.422	209.119	
Đầu tư nhà cửa, nhà xưởng	2.844	296.875	
Đầu tư máy móc thiết bị	13.551	567.288	
Đầu tư tài sản vô hình	124.943	279.374	
Vốn lưu động	1.010.213	1.669.022	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.933	1.560.114	
Đầu tư dài hạn khác	239.611	-	
Tổng cộng	**1.467.517**	**4.581.792**	

(Nguồn: KDC)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa và vật kiến trúc: 10 năm
- Máy móc, thiết bị: 05-10 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn: 06-10 năm
- Thiết bị văn phòng: 03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất 46 năm
- Thương hiệu 20 năm
- Phần mềm kế toán 03 năm
- Lợi thế quyền thuê đất 55 năm
- Mối quan hệ với khách hàng 16 năm

c) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty 2011 và 2012 lần lượt là 6.272.000 đồng/người và 6.600.000 đồng/người.

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2010, 2011 và năm 2012, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

f) Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Bảng 16. Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	25.370.281	25.370.281	25.370.281
2	Quỹ dự phòng tài chính	25.792.636	25.792.636	25.792.636
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.589.225	44.184.735	29.745.143
	Tổng cộng	**93.752.142**	**88.418.202**	**80.908.059**

(Nguồn: KDC)

g) Tổng dư nợ vay ngân hàng

Tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Bảng 17. Vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Vay và nợ ngắn hạn	882.654.433	529.559.033	404.122.670
2	Vay và nợ dài hạn	114.079.574	52.633.097	374.443.097
	Tổng cộng	**996.734.007**	**582.192.130**	**778.565.766**

(Nguồn: KDC)

h) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 18. Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1. Phải thu của khách hàng	202.402.216	0	180.529.903	0	137.127.427	0
2. Trả trước cho người bán	88.277.731	0	196.058.013	0	190.399.886	0
3. Các khoản phải thu khác	436.692.571	0	507.157.424	0	530.056.982	0
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.461.599)	0	(1.631.143)	0	(1.631.143)	0
Tổng cộng	**724.910.920**	0	**882.114.198**	0	**855.953.152**	**0**

(Nguồn: KDC)

Bảng 19. Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1. Vay và nợ ngắn hạn	882.654.433	0	529.559.033	0	404.122.670	0
2. Phải trả cho người bán	274.134.221	0	274.618.257	0	196.252.899	0
3. Người mua trả tiền trước	36.056.646	0	37.628.754	0	63.470.112	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	58.171.398	0	102.723.110	0	45.171.007	0
5. Phải trả người lao động	65.677.580	0	61.215.290	0	21.091.937	0
6. Chi phí phải trả	221.099.439	0	181.636.673	0	145.109.604	0
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	203.176.971	0	121.494.114	0	131.673.019	0
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0	0	0	0

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.589.225	0	44.184.735	0	29.745.143	0
Tổng cộng	**1.740.970.688**	0	**1.353.059.965**	0	**1.036.636.391**	0

(Nguồn: KDC)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Quý I/2013
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,43	1,69	2,81
-	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,21	1,46	2,55
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**				
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,34	0,27	0,24
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	0,51	0,37	0,32
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**				
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,73	0,78	0,13
-	Vòng quay TSCĐ	vòng	1,31	1,33	0,25
-	Vòng quay vốn lưu động	vòng	1,66	1,87	0,28
-	Vòng quay các khoản phải thu	vòng	5,48	4,51	1,02
-	Vòng quay các khoản phải trả	vòng	1,64	1,41	0,34
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,18	6,44	1,49
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**				
-	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	%	6,56%	8,34%	4,04%
-	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	7,30%	8,91%	0,71%
-	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	%	4,80%	6,48%	0,54%
-	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	%	8,11%	11,91%	6,41%
5	**Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần**				
	Thu nhập trên mỗi cổ phần	đồng/cổ phần	2.312	2.318	

(Nguồn: KDC)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch HĐQT – (Ông) Trần Kim Thành

Họ và tên: Trần Kim Thành
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 07/07/1960
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 022007873, ngày cấp: 12/11/1997, nơi cấp: Tp. HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 650/13 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
+ Từ 1967 - 1977: Đi học
+ Từ 1978 - 1993: Kinh doanh cơ sở bánh kẹo
+ Từ 1993 - nay: Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô
Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kinh Đô
Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác:
Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô
Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Ki Do
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long
Số cổ phần nắm giữ: 130.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó :
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 130.000 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô	Tổng Giám đốc	14.056.214	8,97%
Công ty TNHH MTV PPK	Chủ tịch	17.408.762	10,89%
Vương Bửu Linh	Vợ	80.000	0,05%
Trần Lệ Nguyên	Em trai	13.628.668	8,18%
Trần Vinh Nguyên	Em trai	458.941	0,28%
Trần Quốc Nguyên	Em trai	565.366	0,34%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – (Ông) Trần Lệ Nguyên

Họ và tên: Trần Lệ Nguyên
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/10/1968
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 023062528, ngày cấp: 26/02/2007, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

+ Từ 1985 - 1990: Làm kỹ thuật sản xuất bánh ngọt ở Cơ sở Đô Thành, vừa đi học đến Đại học
+ Từ 1990 - 1991: Công tác tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm Quận 1
+ Từ 1992 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh Đô
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Số cổ phần nắm giữ: 13.628.668 cổ phần, chiếm 8,18% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 13.628.668 *cổ phần*
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Vương Ngọc Xiềm	Vợ	5.777.003	3,47%
Trần Kim Thành	Anh trai	130.000	0,08%
Trần Vinh Nguyên	Em trai	458.941	0.28%
Trần Quốc Nguyên	Em trai	565.366	0,34%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Thành viên HĐQT – (Bà) Vương Bửu Linh

Họ và tên: Vương Bửu Linh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 26/06/1965
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 022008216, ngày cấp: 13/11/1997, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 650/13 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác:

+ Từ 1988 - 1993 : Làm việc tại Cơ sở sản xuất bánh Kinh Đô
+ Từ 1993 - 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Xây dựng & Chế biến Thực phẩm Kinh Đô

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
Phó Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô
Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Ki Do
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Địa ốc Kinh Đô

Số cổ phần nắm giữ: 80.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 80.000 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Trần Kim Thành	Chồng	130.000	0,08%
Vương Quốc Trụ	Em trai	3.628.572	2,27%
Vương Bửu Ngọc	Em gái	308.557	0,19%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d) Thành viên HĐQT – (Bà) Vương Ngọc Xiềm

Họ và tên: Vương Ngọc Xiềm
Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 25/11/1962
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 021829287, ngày cấp: 26/02/2007, nơi cấp: Tp. HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Quảng Đông-Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
Điện thoại cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác:

+1985-1990: Công tác tại Tổ hợp Thành Công
+1990-1991: Công tác tại Cơ sở Sản xuất Bánh ngọt Đô Thành
+1992-1993: Công tác tại Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Quận 1
+1993-1995: Chủ cơ sở sản xuất bánh Kinh Đô
+1996 đến nay : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Công Ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn
Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV Ki Do

Số cổ phần nắm giữ: 5.777.003 cổ phần, chiếm 3,47% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 5.777.003 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Trần Lệ Nguyên	Chồng	13.628.668	8,18%
Vương Ngan Hào	Em	6.000	0,004%
Vương Thu Bình	Em	75.000	0,05 %
Vương Thu Lệ	Em	15.007	0,01%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

e) Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – (Ông) Wang Ching Hua

Họ và tên: Wang Ching Hua (Vương Cẩm Sang)
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 04/02/1962

Nơi sinh: Việt Nam
Hộ chiếu: 303704427
Quốc tịch: Đài Loan
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Quảng Đông - Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 41/28 Đường Số 13, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp.HCM.
Số điện thoại liên lạc: 0903808965
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Công nghệ thực phẩm
Quá trình công tác :

+ Từ 1984 - 1993: Làm việc tại Công ty Wang Hua - Đài Loan
+ Từ 1993 - 2003: Cố vấn kỹ thuật - Công ty Cổ phần Kinh Đô
+ Từ 2003 đến nay: Phó Tổng giám đốc Sản xuất - Công ty Cổ phần Kinh Đô

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Sản xuất Công ty Cổ phần Kinh Đô
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
Số cổ phần nắm giữ: 862.611 cổ phần, chiếm 0,52% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 862.611 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

f) Thành viên HĐQT – (Ông) Trần Quốc Nguyên

Họ và tên: Trần Quốc Nguyên
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/11/1970
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 022007871 cấp ngày 26/05/2010, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 218 Mai Xuân Thưởng, Quận 6, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: 0908 897879
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

+ Từ 1993 – 7/2003: công tác tại Công ty Cổ Phần Kinh Đô
+ Từ 7/2003 đến hiện nay: công tác tại Công ty Cổ Phần Ki Do (nay là Công ty TNHH MTV Ki Do)

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV KIDO

Số cổ phần nắm giữ: 565.366 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 565.366 *cổ phần*

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Trần Kim Thành	Anh trai	130.000	0,08%
Trần Lệ Nguyên	Anh trai	13.628.668	8,18%
Trần Vinh Nguyên	Em trai	458.941	0,28%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

g) Thành viên HĐQT – (Ông) Nguyễn Văn Thuận

Họ và tên: Nguyễn Văn Thuận

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/05/1962

Nơi sinh: Đà Nẵng

CMND: 020623550 , ngày cấp 13/07/2007, nơi cấp: Tp.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 62/9A(80B/21) Điện biên Phủ, phường 17, Bình Thạnh, Tp. HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan: 0903626922

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1985 đến 2005: Giảng viên – Chủ nhiệm bộ môn chứng khoán, khoa Ngân Hàng, trường Đại học Kinh tế TP.HCM

+ Từ 2005 đến nay: Trưởng khoa Tài chính – Ngân Hàng, trường Đại học Mở TP.HCM

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 20.683 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 20.683 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

h) Thành viên HĐQT – (Ông) Nguyễn Đức Trí

Họ và tên: Nguyễn Đức Trí
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/07/1966
Nơi sinh: Tp.HCM
CMND: 021831406, ngày cấp 15/06/2007, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 129/1 Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: 090-399-8810
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:

+ Từ 2/1989 đến nay: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Bộ môn Du lịch, Khoa Thương mại-Du lịch-Marketing, Đại học Kinh tế TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

i) Thành viên HĐQT – (Ông) Nguyễn Gia Huy Chương

Họ và tên: Nguyễn Gia Huy Chương
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/01/1978
Nơi sinh: Phú Thọ
CMND: 024370428, ngày cấp 02/3/2005, nơi cấp: Phú Thọ
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 59 Đường 27, KDC Tân Quy Đông,P.Tân Phong, Q 7, TP. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: 0913164797
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật (Trường Luật Bristol, Đại Học Tây Anh Quốc, TP. Bristol, Anh Quốc)
Quá trình công tác:

+ Từ 2000 đến 2005:	Luật sư Công ty Tư Vấn/Văn Phòng Luật sư Luật Việt
+ Từ 2006 đến 2008:	Luật sư thành viên Văn phòng luật sư Phước & Các Cộng Sự
+ Từ 2008 đến nay:	Giám đốc/Luật sư Điều hành Công ty Luật TNHH Phước & Các Cộng Sự

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc/Luật sư Điều hành Công ty Luật TNHH Phước & Các Cộng Sự

Số cổ phần nắm giữ: 0 cp, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban Kiểm soát – (Ông) Lê Cao Thuận

Họ và tên: Lê Cao Thuận

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1974

Nơi sinh: Quảng Nam

CMND: 013090533 ngày cấp 31/05/2008 nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: A102 nhà 11A T/T Đại học Thủy lợi, P.Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913006276

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 1997 đến 1999: Xí nghiệp xếp dỡ đường sắt Việt Nam

+ Từ 1999 đến 2001: Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô

+ Từ 2001 đến nay: Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Kinh Đô miền bắc; Thành viên HĐQT, Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và hợp tác quốc tế (HTIC).

Số cổ phần nắm giữ: 22.365 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 22.365 cổ phần

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Vợ	4.001	0,0004%

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Lê Cao Tú	Em	3.000	0,0003%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát - (Ông) Võ Long Nguyên

Họ và tên: Võ Long Nguyên
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 18/04/1977
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
CMND: 022997646, ngày cấp: 31/07/2003, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bến Tre
Địa chỉ thường trú: 451/42 Hai Bà Trưng, Phường 8, Q.3, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

+ Từ 1999 - 2003: Chuyên viên tư vấn đầu tư – Công ty Cổ phần Tư vấn Tài chính TVH.
+ Từ 2003 - 2004: Giám đốc chi nhánh Tp.HCM – Công ty Cổ phần chứng khoán Mê Kông
+ Từ 2004 - 2008: Chuyên viên chứng khoán – Công ty Cổ phần Kinh Đô
+ Từ 2008 đến nay: Giám đốc đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Thành Việt

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Thành Việt

Số cổ phần nắm giữ: 7.750 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 7.750 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:
Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c) Thành viên Ban kiểm soát - Bà Lương Mỹ Duyên

Họ và tên: Lương Mỹ Duyên
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 02/07/1964
Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
CMND: 021601128, ngày cấp: 30/08/1999, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Quê quán: Quảng Đông - Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: H20 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:
+ Từ 1986-1993: Công tác tại Công ty Nông sản Quận 1
+ Từ 1993 - 2005: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH XD & CBTP Kinh Đô
Số cổ phần nắm giữ: 10.009 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 10.009 cổ phần
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/08/2012: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

a) Tổng Giám đốc - Ông Trần Lệ Nguyên

Lý lịch trình bày tại phần b của Hội đồng quản trị.

b) Phó Tổng Giám đốc Điều hành - Ông Nguyễn Khắc Huy

Họ và tên: Nguyễn Khắc Huy
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/06/1965
Nơi sinh: Việt Nam
Hộ chiếu: 300259598
Quốc tịch: Mỹ
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: C05-3 Hoàng Anh Gia Lai II, Quận 7, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Luật (1997), MBA Kinh tế

Quá trình công tác:

+Từ 1988 – 2001: Làm việc tại Mỹ và Singapore

+Từ 2001 – 2002: Giám đốc Saigon Asset Management

+Từ 2003- 2009: Giám đốc Darwin Management Consultants

+ Từ 2009 - nay: Phó Tổng Giám Đốc điều hành Công ty Cổ phần Kinh Đô

Số cổ phần nắm giữ: 120.000 cổ phần, chiếm 0.07% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 120.000 cổ phần

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Điều hành.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại tổ chức phát hành: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Phó Tổng Giám đốc – (Bà) Vương Bửu Linh

Lý lịch trình bày tại phần c của Hội đồng quản trị.

d) Phó Tổng Giám Đốc Kiểm toán – (Bà) Vương Ngọc Xiềm

Lý trình trình bày tại phần d của Hội đồng quản trị

e) Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Hệ thống – (Ông) Nguyễn Xuân Luân

Họ và tên: Nguyễn Xuân Luân

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/11/1967

Nơi sinh: Bắc Giang

CMND: 023621340, ngày cấp: 24/10/1997, nơi cấp: Tp.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: 21 đường số 7 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, Tp. HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác:

+ Từ 1991 - 1993: Công tác tại Công ty Sơn mài Lam Sơn

+ Từ 1993 - 1995: Công tác tại Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

+ Từ 1996 - 2001: Công tác tại Công ty TNHH CBTP - TM Nam Đô

+ Từ 2001 - nay: Công tác tại Công ty TNHH XD & CBTP Kinh Đô và Công ty Cổ phần Kinh Đô.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinabico
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tribeco Bình Dương

Số cổ phần nắm giữ: 135.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 135.000 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Trần Kim Khánh	Vợ	7	0,000004%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

f) Phó Tổng Giám đốc SBU – (Ông) Bùi Thanh Tùng

Họ và tên: Bùi Thanh Tùng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/09/1972

Nơi sinh: Tiền Giang

CMND: 023419672, ngày cấp: 03/07/1996, nơi cấp: Tp.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 439/11 Hòa Hảo, Phường 5, Quận 10, Tp.HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 1993 – 2000: Quản đốc tại Công ty TNHH Xây dựng & Chế biến TP Kinh Đô
+ Từ 2000 – 2003: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Sản Xuất tại Kinh Đô
+ Từ 2004 – 2009: Giám đốc Sản Xuất Công ty Cổ phần Kinh Đô
+ Từ 2009 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Số cổ phần nắm giữ: 135.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 135.000 cổ phần

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinabico

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Vương Thu Bình	Vợ	75.000	0,05 %

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

g) Phó Tổng Giám đốc – (Ông) Mai Xuân Trầm

Họ và tên: Mai Xuân Trầm
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/06/1974
Nơi sinh: Tp.Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định
CMND: 024424680, ngày cấp 04/07/2005, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bình Định
Địa chỉ thường trú: 127A Đường số 11, Phường Tân Kiểng, Quận 7,Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 8270 838
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA)
Quá trình công tác: 1998 – nay: Công ty Cổ phần Kinh Đô
Số cổ phần nắm giữ: 135.006 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:
+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*
+ *Cá nhân sở hữu: 135.006 cổ phần*
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Phát triển kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinabico.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

h) Phó Tổng Giám đốc Marketing – (Ông) Lê Anh Quân

Họ và tên: Lê Anh Quân
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 07/04/1967
Nơi sinh: Tp.HCM
CMND: 021919194
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 101/18 Nguyễn Chí Thanh , Quận 5, Tp.HCM.
ĐT liên lạc ở cơ quan: 090 980 1335
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
+ Từ 1992 – 1998: Giám đốc Công ty Diethelm Vietnam
+ Từ 1998 – 2004: Sinh viên trường Đại học UCLA University of California at

Los Angeles

+ Từ 2000 – 2004: Giám đốc Công ty Walt Disney
+ Từ 2004 – 2007: Giám đốc Công ty Unilever Vietnam
+ Từ 2007 – 2010: Giám đốc Công ty DID TV
+ Từ 2010 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kinh Đô

Số cổ phần nắm giữ: 61.660 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ, trong đó:

+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*

+ *Cá nhân sở hữu: 61.660 cổ phần*

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Marketing Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

i) Phó Tổng Giám đốc – (Ông) Trần Quốc Nguyên

Lý lịch trình bày ở phần j của Hội đồng quản trị

j) Phó Tổng Giám đốc – (Ông) Trần Quốc Việt

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/02/1972

Nơi sinh: Thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

CMND: 012893955 ngày cấp 28/11/2006 , nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 43/172 Phố Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913214184

Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA)

Quá trình công tác:

+ Từ 1995 đến 2003: Phó Tổng giám đốc Công ty sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's)

+ Từ 2004 đến tháng 5/2009: Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty CP CBTP Kinh Đô Miền Bắc.

+ Từ 5/2009 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó tổng giám đốc tập đoàn

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thương mại và hợp tác Quốc tế Hà Nội. 534- 536 Bạch Mai- Hai Bà Trưng- Hà Nội

+ Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Tribeco Miền Bắc Km22, quốc lộ 5, TT Bần Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên.

Số cổ phần nắm giữ: 125.273 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:

+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*

+ *Cá nhân sở hữu: 125.273 cổ phần*

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

k) Phó Tổng Giám đốc Chuỗi cung ứng – (Ông) Trần Tiến Hoàng

Họ và tên: Trần Tiến Hoàng

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1974

Nơi sinh: Điện Bàn - Quãng Nam

Số chứng minh nhân dân: 024150959 ngày cấp: 12/6/2003 tại : CA Tp.HCM

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Quãng Nam

Địa chỉ thường trú: 67/5 Năm Châu – P.11 – Quận Tân Bình – Tp.HCM.

ĐT liên lạc tại cơ quan: (84-8) 3827 0838

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1998 – 1999 : Nhân Viên Kinh Doanh Công ty Cổ phần Kinh Đô.

+ Từ 2000 – 2007: Trưởng phòng Mua Hàng Công ty Cổ phần Kinh Đô.

+ Từ 2007 – 2010 : Giám Đốc Xử Lý đơn hàng Công ty Cổ phần Kinh Đô và các công ty Thành viên.

+ Từ 2011 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần KDC: 150.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ, trong đó:

+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*

+ *Cá nhân sở hữu: 150.000 cổ phần*

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Ngô Phan Anh Đào	Vợ	69.334	0,05%
Trần Thị Thanh Thúy	Em gái	2.006	0.0012%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi có mâu thuẫn với Công ty: Không

l) Phó Tổng giám đốc Tài chính – (Ông) Kelly Yin Hong Wong

Họ và tên: Kelly Yin Hon Wong

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/03/1977

Nơi sinh: Hong Kong

CMND: BA691863, ngày cấp 26/04/11, nơi cấp: CANADA

Quốc tịch: CANADA

Dân tộc: Hoa

Địa chỉ thường trú: 7680 Dampier Drive, Richmond, BC, CANADA V7C 4E7

Số ĐT liên lạc: (84-8) 3827 0838

Trình độ chuyên môn: Bachelor of Commerce, Diploma in Management

Quá trình công tác:

+ 2000 đến 2002: Pepsi Bottling Group, Sales Manager
+ 2004 đến 2008: HSBC Vietnam, Relationship Manager / Corporate Sales Manager
+ 2008 đến 2011: Công ty cổ phần Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HSC), Giám đốc điều hành / Trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính Công ty Cổ phần Kinh Đô (CFO)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần KDC: 30.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó:

+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*

+ *Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

m) Phó Tổng Giám đốc – (Ông) Wang Ching Hua

Lý trình trình bày tại phần e của Hội đồng quản trị

n) Kế toán trưởng – (Bà) Nguyễn Thị Oanh

Họ và tên: Nguyễn Thị Oanh

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/12/1972

Nơi sinh: Bắc Thái
CMND: 022731881, ngày cấp 11/01/2011, nơi cấp: CA TPHCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 119 Bis Bành Văn Trân, Phường 7, Q Tân Bình, TPHCM
Số ĐT liên lạc: (84-8) 3827 0838
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
+ Từ 1996 đến nay : Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Kinh Đô
Kế Toán Trưởng Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô
+ Từ 1994 đến 1995 : Nhân viên kế hoạch KS Bông Sen – Sài Gòn Tourist
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế Toán Trưởng Công ty Cổ Phần Kinh Đô
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô
Số CP nắm giữ: 55.010 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó:
+ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*
+ *Cá nhân sở hữu: 55.010 cổ phần*
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

14. Tài sản

a) Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2013

Bảng 20. Tài sản cố định của KDC tại thời điểm 31/03/2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**1.763.443.015**	**782.431.678**	**981.011.338**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	397.503.338	97.783.532	299.719.806
2	Máy móc thiết bị	1.151.242.277	570.402.816	580.839.461
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	136.956.963	60.185.884	76.771.079
4	Thiết bị văn phòng	77.740.437	54.059.447	23.680.991
II	**Tài sản cố định vô hình**	**493.042.185**	**88.724.394**	**404.317.791**
1	Quyền sử dụng đất	64.772.107	8.213.250	56.558.857
2	Phần mềm máy tính	76.794.974	29.881.286	46.913.687
3	Thương hiệu	16.591.966	3.733.192	12.858.774
4	Lợi thế quyền thuê đất	55.268.061	5.719.638	49.548.423
5	Mối quan hệ với khách hàng	277.615.077	39.039.620	238.575.457

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
6	Khác	2.000.000	2.137.407	(137.407)
III	**Tài sản cố định thuê tài chính**	-	-	-
	Tổng cộng	**2.256.485.201**	**871.156.072**	**1.385.329.129**

(Nguồn: KDC)

b) Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Bảng 21. Danh mục đất đai, nhà xưởng Kinh Đô quản lý

Stt	Diễn giải	Diện tích đất	Mục đích sử dụng
1	6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp.HCM	5 ha	Dự án bất động sản
Tổng cộng		**5 ha**	

(Nguồn: KDC)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2013 và 2014

Bảng 22. Một số chỉ tiêu trong kế hoạch tài chính năm 2013 và 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013 KH	+/- so với 2012	Năm 2014 KH	+/- so với 2013
1	Vốn Điều lệ	1.599,2	2.006,3	25,5%	2.006,3	0,0%
2	Doanh thu thuần (DTT)	4.285,8	5.200,0	21,3%	6.760,0	30,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	357,4	450,0	25,9%	525,0	16,7%
4	Lợi nhuận sau thuế/DTT	8,3%	8,7%	3,8%	7,8%	-10,3%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	22,4%	22,4%	0,4%	26,2%	16,7%
6	Cổ tức trả bằng tiền (đồng/cp)	2.000	2.000	0,0%	2.000	0,0%

(Nguồn: KDC)

- **Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013 và 2014**

Hoạt động marketing:

Năm 2013 và những năm kế tiếp, KDC sẽ tiếp tục phát triển theo hướng lấy người tiêu dùng làm trọng tâm. Chúng tôi hướng đến xây dựng một công ty kinh doanh và phục vụ những sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Nâng cao vai trò của Nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu của người tiêu dùng và sàng lọc để chọn những ý tưởng phù hợp nhất để chiến thắng. Đồng thời, KDC sẽ nâng cao giá trị qua thương hiệu bằng cách tái cấu trúc lại thương hiệu, xây dựng hình ảnh thương hiệu Kinh Đô cho mọi sản phẩm phổ biến, đồng thời củng cố lòng trung thành của thương hiệu đối với khách hàng, mục tiêu là xây dựng thương hiệu Kinh Đô trở thành thương hiệu của mọi gia đình. Chiến lược marketing cụ thể cho từng ngành hàng như sau:

Ngành bánh mì (Aloha, Scotti): Tái định vị ngành hàng nhằm thu hút thêm người sử dụng mới, nhắm tới đối tượng chính là học sinh, sinh viên cùng với công nhân,

nhân viên văn phòng thông qua việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu năng lượng cho các bữa ăn, đặc biệt là ăn sáng.

Ngành bánh bông lan (Solite, Sophie): Nhãn hàng Sophie hiện dẫn đầu trong phân khúc bánh bông lan tươi. Đối thủ cạnh tranh chủ yếu là hàng cơ sở, hàng nhái với giá thấp. Nguồn này tăng trưởng nhờ vào danh mục sản phẩm đa dạng và thâm nhập vào phân khúc cao hơn. Đối với cakes dài ngày : xây dựng hình ảnh Solite và Solite cupcake tại phân khúc bình dân và trung cấp, duy trì độ phủ để lấy thị phần từ các đối thủ cạnh tranh.

Ngành bánh trung thu: Áp dụng chiến lược marketing mix cho Thương hiệu Trăng Vàng nhằm tập trung phát triển nhanh dòng sản phẩm cao cấp.

Ngành cracker (AFC, Cosy) : với 56% thị phần trong ngành, AFC hiện là nhãn hàng dẫn đầu thị trường. Trong năm 2012, Kinh Đô sẽ thiết kế lại danh mục sản phẩm theo nhãn hàng Cosy gồm các sản phẩm bánh quy ngọt và wafer; chuẩn hóa thiết kế bao bì làm cơ sở cho việc đầu tư quảng bá hiệu quả và mở rộng danh mục sản phẩm; gia tăng phân phối, tập trung vào 6 thành phố chủ lực.

Ngành cookies: Kinh Đô hiện chiếm khoảng 27% thị phần trong ngành cookies (doanh số toàn ngành khoảng 3.000 tỷ đồng). Do vậy, còn nhiều cơ hội để gia tăng tăng trưởng trong ngành này. Kinh Đô sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển cho các dòng sản phẩm mới trong ngành này.

Ngành kem:

- Celano: tung sản phẩm mang tính đột phá Celano Passion – lần đầu tiên có mặt ở Việt Nam.
- Merino: tập trung vào việc xây dựng hình tượng Gấu 3D tương tác với trẻ em trên các game online và kênh TVC.

Ngành sữa chua: xây dựng nhãn hàng Wel.

- Wel yo: tiếp tục dẫn đầu phân khúc cao cấp bằng việc tung sản phẩm Wel yo Beauty và Wel yo Family (có men diệt virus gây ung thư).
- Bắt đầu thâm nhập vào các phân khúc tiềm năng: sữa non, sữa dinh dưỡng cho trẻ em.

Phát triển kinh doanh:

Năm 2013, Kinh Đô sẽ phát triển 7 kênh bán hàng riêng biệt, bao gồm:

- Kênh bánh tươi cho các sản phẩm có hạn sử dụng ngắn.
- Kênh Confectionary cho các sản phẩm bánh kẹo.
- Kênh Snack.
- Kênh siêu thị (MT) tại tất cả các siêu thị trên toàn quốc.
- Kênh Bakery - hệ thống bán lẻ trực tiếp tại Hà Nội và TP.HCM.
- Kênh lạnh cho các phẩm kem với hệ thống kho lạnh và xe lạnh phủ khắp 64 tỉnh thành Việt Nam và tại hai thị trường Campuchia, Lào.
- Kênh sữa & các sản phẩm từ sữa.

Thiết kế kênh bán hàng riêng biệt giúp Kinh Đô có lợi thế trong cạnh tranh cũng như cho phép công ty phát triển ngành hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả với tính sẵn sàng và chi phí tốt nhất. Kinh Đô tiếp tục khai thác tốt hệ thống DMS (Distribution Management System) để quản trị bán hàng tốt hơn, từ đó nâng cao hiệu quả của khâu bán hàng.

Phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng phần mềm nhân sự trên hệ thống SAP: Kinh Đô sẽ là một trong những doanh nghiệp đi tiên phong trong việc triển khai phần mềm nhân sự trên nền SAP nhằm vi tính hóa nhiều công đoạn trong quy trình quản lý nhân sự. Việc này nhằm giúp cho công tác quản trị nguồn nhân lực trở nên dễ dàng và thuận tiện.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng Tập đoàn và phát triển hệ thống các công cụ quản trị tương xứng với quy mô mới: Hiện Kinh Đô đang triển khai hệ thống KPIs (Key Performance Indexes) dưới sự tư vấn của đối tác nước ngoài. Việc quản trị hệ thống thành tích dựa trên KPIs sẽ trở nên khoa học và giúp cho việc đánh giá nhân sự minh bạch và công bằng hơn.
- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao của Công ty, song song với việc đào tạo đội ngũ quản trị cấp trung và cấp cơ sở nhằm thích ứng với mô hình quản trị hiện đại (mô hình quản trị ma trận) và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Hoạt động xuất khẩu:

Trong năm 2013, mục tiêu của Kinh Đô vẫn là củng cố và mở rộng các thị trường truyền thống và đẩy mạnh phát triển các thị trường mới tiềm năng, cụ thể như sau:

- Mở rộng thâm nhập 2 thị trường mới: Thị trường Myanmar với hơn 50 triệu dân và thị trường Trung Quốc (đã thâm nhập nhãn hàng AFC Crackers Kinh Đô) có tập quán tiêu dùng tương đồng với Việt Nam, vị trí địa lý thuận lợi cùng chính sách ưu đãi thuế quan.
- Tiếp tục duy trì thị trường truyền thống là Nhật Bản.

Phần đóng góp của Vinabico vào kết quả kinh doanh Kinh đô năm 2013:

Sau khi sáp nhập, dưới góc độ quản lý nội bộ, Vinabico là một đơn vị kinh doanh chiến lược (SBU) của KDC. Dựa vào kinh nghiệm đã thành công với thương vụ sáp nhập KIDO và Kinh Đô miền Bắc vào Kinh Đô năm 2010, KDC sẽ cố gắng tối đa hóa lợi ích từ việc sáp nhập đồng thời giảm thiểu các tác động xấu trong giai đoạn hậu sáp nhập để tạo giá trị gia tăng cho cổ đông.

Theo kế hoạch năm 2013, SBU Vinabico sẽ đạt doanh thu thuần 90 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 16 tỷ đồng. Một số biện pháp để đạt kế hoạch kinh doanh của SBU Vinabico:

- Tái cấu trúc lại bộ máy tổ chức mới theo hướng tinh gọn, kiêm việc nhưng vẫn đảm bảo tính ổn định về nhân sự, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và phù hợp với mô hình hoạt động của Tập đoàn Kinh Đô, đưa Vinabico phát triển ngày càng ổn định.
- Kết hợp với bộ phận R&D và Marketing Kinh Đô quy hoạch, nâng cấp chất

lượng, cải tiến mẫu mã và bao bì sản phẩm tập trung vào nhóm bánh xốp, snack, stick, trung thu nhằm tạo ra nhiều dòng sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh mang thương hiệu Vinabico lẫn thương hiệu Kinh Đô ở nhiều phân khúc giá và đối tượng tiêu dùng tham gia thị trường.

- Mở rộng kênh bán hàng bánh tươi, khai thác triệt để kênh phân phối của Kinh Đô để thâm nhập sản phẩm, tăng độ phủ điểm bán, đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu nội địa và xuất khẩu hằng năm từ 15% - 30%.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến để phát triển sản phẩm mới đáp ứng chiến lược kinh doanh và quy mô phát triển của SBU Vinabico.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh Đô.

Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng doanh thu mà Kinh Đô dự kiến là có thể chấp nhận được vì các lý do sau:

Tốc độ tăng trưởng của ngành bánh kẹo Việt Nam hiện nay đang ở mức cao (khoảng 11% trong giai đoạn 2012 - 2014).

Kinh Đô là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành bánh kẹo Việt Nam về quy mô, trình độ công nghệ, thương hiệu và hệ thống phân phối. Chiếm lĩnh thị trường trong nước trong thời gian dài hơn 12 năm, đến nay rất nhiều sản phẩm của Kinh Đô đã chiếm được vị trí độc tôn. Kinh Đô còn có tiềm lực tài chính mạnh, có ưu thế nổi trội trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Kinh Đô đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Không có.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI (CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Vinabico

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vinabico tiền thân là Công ty Bánh kẹo Việt Nam (viết tắt là Vinabico) được thành lập năm 1974, sau giải phóng (1976) được tiếp quản và trở thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi là Xí nghiệp Bánh kẹo Vinabico, nhà sản xuất chủ lực các sản phẩm bánh kẹo cung cấp cho thị trường cả nước giai đoạn 1976 - 1992.

Từ tháng 1/1993, xí nghiệp tiến hành liên doanh với Công ty Confectionary Kotobuki Co. Ltd (Nhật Bản) và Công ty Kotobuki Holding (Nhật Bản) để thành lập Công ty Liên doanh Vinabico - Kotobuki theo giấy phép đầu tư số 458/GP ngày 12/11/1992 của Ủy ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư.

Đến tháng 10/2002 bên Việt Nam chính thức mua lại phần vốn góp của đối tác nước ngoài và chuyển thành Công ty Vinabico - Kotobuki, là doanh nghiệp nhà nước hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài gòn theo Giấy đăng ký kinh doanh số 316185 ngày 10/01/2003 của Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh.

Đến tháng 10/2003 Công ty chuyển thành Công ty cổ phần Vinabico theo quyết định số 2975/QĐ-UB ngày 1/8/2003 của UBND TP Hồ Chí Minh và Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001904 đăng ký lần đầu ngày 03/11/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/09/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Vinabico đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã trở thành công ty đại chúng từ ngày 8/9/2009 theo Công văn số 1857/UBCK-QLPH ngày 8/9/2009 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Qua hơn 30 năm hoạt động , trong đó có 10 năm liên doanh với nước ngoài, sản phẩm của Công ty là một trong những thương hiệu khá nổi tiếng của ngành bánh kẹo Việt Nam, có uy tín, nhiều năm liền đã được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Một số thành tích tiêu biểu của Vinabico:

- Vinabico đạt chứng nhận ISO 9002 năm 2000, chuyển đổi thành phiên bản ISO 9001:2000 vào năm 2003 và hiện nay, Công ty đang sử dụng chứng nhận ISO 9001 :2008 năm 2010.
- Vinabico luôn nằm trong Top Ten ngành bánh kẹo trong các cuộc bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005.
- Vinabico là một trong 500 thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam trong cuộc khảo sát người tiêu dùng toàn quốc do Tập đoàn Nghiên cứu Thị trường ACNielsen tổ chức năm 2005

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Vinabico
- Địa chỉ: 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP HCM
- Điện thoại: (84-8) 3553 3347 Fax: (84-8) 3553 3440
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng*)
- Vốn thực góp: 49.841.350.000 đồng
- Giấy CNĐKKD số: 0303092306 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 23 tháng 05 năm 2012.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và thực phẩm; Kinh doanh dịch vụ giải khát (không kinh doanh tại trụ sở); Sản xuất, mua bán: nước tinh lọc, nước uống tinh khiết, nước giải khát, rượu, gia vị, nước tương, tương ớt, chao (không sản xuất tại trụ sở); Đại lý ký gởi hàng hóa; Mua bán: thực phẩm, kim khí điện máy, hoá mỹ phẩm (trừ hoá chất độc hại mạnh); Cho thuê: nhà, kho bãi, văn phòng.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ 4. Cơ cấu tổ chức của Vinabico

(Nguồn: Vinabico)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông : Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 5 năm.

Ban kiểm soát : Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc : Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Bảng 23. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% của Vinabico tại ngày 20/05/2013

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Kinh Đô	141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM	2.551.585	25.515.850	51,19%
2	Vốn Nhà nước : Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV Đại diện : Nguyễn Minh Hùng	275 B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp.HCM	730.932	7.309.320	14,67%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSC)	6 Thái Văn Lung, Quận 1, Tp.HCM	615.569	6.155.690	12,35%
	Tổng cộng		**3.898.086**	**38.980.860**	**78,21%**

(Nguồn: Vinabico)

Bảng 24. Cơ cấu vốn cổ phần của Vinabico ngày 20/05/2013

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	**Trong nước**	**126**	**4.970.135**	**99,72%**
	Tổ chức	3	3.898.086	78,2%
	Cá nhân	123	1.072.049	21,5%
2	**Nước ngoài**	**3**	**14.000**	**0,28%**
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	3	14.000	0,28%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	129	4.984.135	100%

(Nguồn: Vinabico)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- **Công ty TNHH MTV Vinabico – Bình Dương**
  - Tên công ty: Công ty TNHH MTV Vinabico – Bình Dương
  - Địa chỉ: Số 29 VSIP II, đường số 3, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
  - Điện thoại: (84-8) 355 333 47 Fax: (84-8) 355 333 49
  - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng)*
  - Vốn thực góp: 9.822.690.532 đồng
  - Giấy CNĐKKD số: 3700825724 đăng ký lần đầu ngày 20/8/2007 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 16/02/2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Bình Dương cấp.
  - Ngành nghề kinh doanh: (1): Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng kim khí điện máy); (2): Sản xuất các loại bánh từ bột; (3): Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; (4): Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; (5): Bán buôn đồ uống; (6): Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng); (7): Đại lý; (8): Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; (9): Sản xuất gia vị, nước tương, tương ớt, chao. Bán buôn bánh, thực phẩm, ca cao, sôcôla, mứt, kẹo, gia vị, nước tương, tương ớt, chao.
  - Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Vinabico nắm giữ: 100%.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vinabico

Bảng 25. Quá trình tăng vốn của Vinabico

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (1.000 đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (1.000 đồng)	Hình thức tăng vốn
1	01/11/2003	14.123.500	14.123.500	Phát hành cổ phiếu
2	10/06/2006	1.410.900	15.534.400	10% cổ phiếu thưởng
3	12/06/2006	4.465.600	20.000.000	Phát hành cổ phiếu
4	01/2007	10.000.000	30.000.000	50% CP thưởng

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (1.000 đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (1.000 đồng)	Hình thức tăng vốn
5	03/2007	8.000.000	38.000.000	Phát hành cổ phiếu
6	05/2007	2.000.000	40.000.000	Phát hành cổ phiếu
7	08/2007	9.841.350	49.841.350	Phát hành cổ phiếu

(Nguồn: Vinabico)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Vinabico

Sản phẩm kinh doanh của Vinabico được chia thành 03 nhóm chính: Nhóm sản phẩm bánh khô, nhóm sản phẩm bánh tươi, nhóm sản phẩm kẹo.

a) Nhóm sản phẩm bánh khô

Trong danh mục sản phẩm ngành bánh khô có 5 nhóm, bao gồm: Biscuits (bánh quy), Soft Wafers (bánh xốp), Snack, Stick (bánh quế), Moon cake (bánh trung thu)

Bánh quy: Bánh qui là sản phẩm phục vụ tết, doanh thu của mặt hàng này trong thời gian qua giảm sút (chiếm khoảng 2% doanh thu của Công ty) và chưa hiệu quả cao do mức độ nhận biết của người tiêu dùng với thương hiệu bánh qui của Vinabico không mạnh so với sản phẩm của các nhà sản xuất khác trong ngành bánh quy.

Đối thủ cạnh tranh chính là Công ty cổ phần Bibica và các cơ sở sản xuất bánh tư nhân.

Bánh xốp:

Sản phẩm của Vinabico có 4 mùi vị chính: dâu, sầu riêng, socola và sữa.

Mặt hàng này đóng góp khá quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico, chiếm 13% doanh thu năm 2011.

Đối thủ cạnh tranh chủ yếu trong ngành bánh xốp: Hải Hà, Hải Châu, Sản phẩm nhập khẩu

Bánh snack:

Là sản phẩm đóng góp tỷ trọng lớn nhất (gần 40% doanh thu) trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2011. Đây là sản phẩm chủ lực của Vinabico. Với mục tiêu khai thác hiệu quả các mặt hàng được ưu chuộng và nâng cao thị phần đối với sản phẩm này, trong thời gian tới, phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm của Vinabico sẽ kết hợp cùng phòng RD của KDC để cho ra ít nhất 2 sản phẩm mới nhằm đóng góp hơn nữa vào hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Trong ngành hàng này, Vinabico đang đối mặt với các sản phẩm từ các công ty nước ngoài như: Oishi (Liwayway), Poca (PepsiVN).

Bánh trung thu:

Bánh trung thu của Vinabico bao gồm bánh nướng, bánh dẻo và bánh trung thu cao cấp. Đây là sản phẩm có tính mùa vụ rất cao. Sản lượng tiêu thụ hàng năm khoảng 60 tấn/năm với doanh số khoảng 7 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 9% doanh số của Vinabico.

Các đối thủ cạnh tranh chính: Bibica, Đồng Khánh, Thành Đô, Phạm Nguyên.

b) Nhóm sản phẩm bánh tươi

Bao gồm sản phẩm bánh tươi các loại: bánh su, bánh kem, bánh mì,…

Là sản phẩm đóng góp tỷ trọng ổn định vào kết quả hoạt động kinh doanh của Vinabico, khoảng 12% doanh thu. Trong điều kiện hiện nay, khi xu hướng sử dụng đồ ăn nhanh ngày càng gia tăng thì các sản phẩm bánh tươi của Vinabico ngày càng được ưu chuộng, tiềm năng phát triển của ngành hàng này khá tốt với tốc độ tăng trưởng ngành khoảng 17,9%/năm.

Các đối thủ cạnh tranh chủ yếu: Đức Phát, Công ty Bánh kẹo Á Châu, Hỷ Lâm Môn, Thiên Ân, Hồng Ân.

c) Nhóm sản phẩm Kẹo

Bao gồm: Kẹo dẻo hủ nhựa Jelly và kẹo trang trí

Kẹo dẻo hủ nhựa Jelly: sản phẩm này chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong doanh thu hàng năm của Vinabico và biên lợi nhuận thấp vì giá thành sản xuất cao.

Kẹo trang trí: Đây là sản phẩm truyền thống của Vinabico. Là một trong những mặt hàng mang lại hiệu quả cao nhất của Vinabico (chiếm 14% doanh thu và 24% lợi nhuận trước thuế năm 2011). Sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc,…

7.2. Doanh thu, lãi gộp của Vinabico qua các năm

a) Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 26. Doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Mặt hàng	2011		2012		QI/2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Bánh quy	1.676	2,2%	271	0,4%	551	3,4%
Bánh xốp	10.075	13,5%	6.920	10,1%	1.391	8,6%
Snack	29.581	39,5%	30.472	44,5%	9.632	59,3%
Kẹo trang trí	10.698	14,3%	7.869	11,5%	1.850	11,4%
Bánh tươi	8.562	11,4%	7.920	11,6%	2.355	14,5%
Bánh quế	5.966	8,0%	1.955	2,9%	199	1,2%
Bánh Trung thu	7.216	9,6%	11.437	16,7%	0	0,0%
Khác	1.128	1,5%	1.641	2,4%	266	1,6%
Tổng cộng	**74.901**	**100%**	**68.486**	**100%**	**16.244**	**100%**

(Nguồn: Vinabico)

b) Lãi gộp qua các năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 27. Lãi gộp của Vinabico năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012	QI/2013
Lợi nhuận gộp	23.581	19.873	3.772

(Nguồn: Vinabico)

7.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay nguyên vật liệu chính để sản xuất của Vinabico là bột mỳ, đường, trứng, sữa,.., trong đó bột mì, đường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá thành. Do Việt Nam hiện đang nhập khẩu hầu hết lượng bột mì nên giá cả và lượng nguyên liệu nhập đều phụ thuộc vào nguồn cung ứng từ nước ngoài.

b) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65% - 75% giá thành sản phẩm, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Do thị trường sản phẩm của Công ty có tính cạnh tranh cao, nên Công ty không thể điều chỉnh ngay giá bán ra sản phẩm khi giá nguyên vật liệu tăng, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm trong ngắn hạn.

Hiện tại, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu, Vinabico kết hợp chặt chẽ với bộ phận quản lý đơn hàng (OM) của Kinh Đô trong khâu mua hàng. Việc này giúp Vinabico có được mức giá hợp lý và tạo được sự ổn định trong nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào.

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Vinabico chú trọng đến việc quản lý tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Công tác tiến hành quản lý tiêu hao nguyên vật liệu được thực hiện dựa trên định mức tiêu hao do Phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm và kiểm soát chất lượng đưa ra tùy từng ngành hàng trung bình dao động ở mức từ 0,5% - 1%, và dựa trên định mức tiêu hao do bộ phận sản xuất giao. Định mức tiêu hao này thường xuyên được điều chỉnh hàng năm và theo chiều hướng tích cực.

7.4. Chi phí sản xuất

Bảng 28. Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với doanh thu

STT	Yếu tố chi phí	2011		2012		QI/2013	
		Giá trị (đồng)	% DT	Giá trị (đồng)	% DT	Giá trị (đồng)	% DT
1	Giá vốn hàng bán	51.320.220.575	69%	48.612.673.057	71%	10.460.165.414	84%
2	Chi phí bán hàng	5.260.991.895	7%	4.133.541.373	6%	866.688.831	7%
3	Chi phí quản lý DN	7.613.201.292	10%	9.123.394.241	13%	2.265.576.606	18%
4	Chi phí hoạt động tài chính	1.227.087.026	2%	857.331.751	1%	5.093.386	0,04%
	Tổng cộng	**65.421.500.788**	**87%**	**62.726.940.422**	**92%**	**13.597.524.237**	**110%**

(Nguồn: Vinabico)

7.5. Trình độ công nghệ

Các dây chuyền sản xuất được đặt ở tại mỗi phân xưởng, tương ứng với từng ngành hàng, các dây chuyền mà Vinabico đang sử dụng đều là những dây chuyền tiên tiến, hiện đại, được nhập khẩu từ nước ngoài. Hàng năm, Vinabico đều thực hiện bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị để đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất.

Bảng 29. Danh mục các thiết bị hiện Vinabico đang sử dụng

Tên trang thiết bị chính	Chức năng	Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ
Dây chuyền Sack	Sản xuất bánh Snack	1993	Nhật
Máy đóng gói	Đóng gói bánh Snack	1995	Nhật
Dây chuyền bánh Biscuits	Sản xuất bánh qui	1995	Italia
Dây chuyền bánh Stick	Sản xuất bánh quế	1997	Indonesia, Việt Nam
Dây chuyền sản xuất kẹo Yelly	Sản xuất kẹo	1998	Italia
Lò sấy	Thiết bị làm cứng kẹo, tạo bán thành phẩm	1992	Việt Nam
Máy trộn, lò nướng, tủ trữ lạnh	Sản xuất bánh tươi	1992, 1997, 2010	Đài Loan
Dây chuyền sản xuất bánh xốp	Sản xuất bánh xốp	2003, 2011	Áo
Dây chuyền sản xuất bánh Trung thu	Sản xuất bánh Trung thu	2008	Việt Nam, Nhật

(Nguồn: Vinabico)

Hầu hết công nghệ Vinabico đang áp dụng đều là công nghệ trung bình khá, năng suất tương đối cao, chất lượng ổn định, linh hoạt. Về đánh giá chung hiện trạng thiết bị, tuy đã được đầu tư từ nhiều năm trước nhưng đa phần các thiết bị đều được bảo quản tốt.

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Là đơn vị có vốn góp chi phối bởi Kinh Đô, hoạt động nghiên cứu, phát triển và quảng bá sản phẩm của Công ty được thực hiện có sự giúp sức phần lớn của bộ phận R&D của Kinh Đô.

Khi sản phẩm mới được tạo ra từ sự phối hợp giữa phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm - Kiểm soát chất lượng và bộ phận R&D của Kinh Đô, thì việc thử nghiệm sản xuất thử sẽ do Vinabico thực hiện và Kinh Đô chịu trách nhiệm thâm nhập thị trường đối với nhóm sản phẩm bánh khô. Trên cơ sở kết quả tiêu thụ khả quan, Vinabico sẽ thực hiện sản xuất đại trà theo kế hoạch và bán sản phẩm lại cho KDC phân phối.

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Quy trình sản xuất hiện tại được quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 với việc kiểm soát chặt chẽ bắt đầu từ quá trình nhập nguyên liệu đến khi sản phẩm được phân phối ngoài thị trường: 100% các loại nguyên liệu đều được kiểm tra và đánh giá trước khi nhập kho, trong quá trình bảo quản và trước khi đưa vào sản xuất. Bên cạnh đó các nguyên liệu này phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ, cam kết chất lượng của nhà cung ứng.

Kiểm soát trong quá trình sản xuất: Từng công đoạn sản xuất đều có công tác kiểm tra do phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm và kiểm soát chất lượng đảm nhận. Các số liệu được cập nhật, phân tích và đánh giá trước khi sản phẩm xuất xưởng.

Tất cả các hoạt động đều có hồ sơ để cung cấp bằng chứng rằng các quá trình thực hiện và sản phẩm tạo thành đáp ứng các yêu cầu.

Tiến trình	Trách nhiệm
Nhận đơn hàng	Phòng kế hoạch và kho vận; phòng xuất nhập khẩu; tổ bán hàng Bakery
Lên kế hoạch sản xuất	Phòng kế hoạch và kho vận; phân xưởng sản xuất
Lập kế hoạch nhận NVL	Phân xưởng sản xuất
Nhận NVL từ kho về phân xưởng	Các phân xưởng sản xuất
Tiến hành SX theo quy trình	Các phân xưởng sản xuất
Phân xưởng ghi nhận kết quả sản xuất	Các phân xưởng sản xuất
Chuyển nhập kho	Các phân xưởng sản xuất
Lập chứng từ nhập kho	Phân xưởng sản xuất; phòng kế hoạch và kho vận
Kiểm tra NVL tồn xưởng	Phân xưởng sản xuất
Cân đối NVL	Phân xưởng sản xuất

7.8. Báo cáo hoạt động đầu tư, hiệu quả đầu tư

Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị (máy dò kim loại, máy cán bột,...) trị giá 402.000.000 đồng.

7.9. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động nghiên cứu thị trường

Hoạt động nghiên cứu thị trường của Vinabico hoàn toàn phụ thuộc vào bộ phận Marketing của Công ty cổ phần Kinh Đô.

b) Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ cộng đồng (PR)

Công ty áp dụng nhiều chương trình khuyến mãi. Các chương trình này thường gắn liền với các dịp lễ, Tết như Trung thu, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ,... Các chương trình khuyến mãi của Công ty thường thu được hiệu quả nhanh chóng do có tác động đến người tiêu dùng cuối cùng sản phẩm của Công ty.

Công ty chủ động tham gia hội chợ thương mại trong nước và quốc tế, hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm với mục tiêu quảng bá thương hiệu.

c) Hệ thống phân phối

Doanh thu nội địa và xuất khẩu chiếm lần lượt 85% và 15% tổng doanh thu 2011. Trong nước, Vinabico bán hàng chủ yếu thông qua kênh phân phối của Kinh Đô (chiếm 72% doanh thu nội địa). Ngoài ra, Vinabico đã thiết lập hệ thống bán hàng qua các cửa hàng Vinabico Bakery và hệ thống siêu thị Coop Mart.

d) Chính sách giá

Công ty luôn thực hiện chính sách giá phù hợp cho từng phân khúc thị trường. Giá cung cấp cho các nhà phân phối là giá bán sỉ trừ đi chiết khấu cho từng loại sản phẩm.

7.10. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Công ty đã tiến hành đăng ký các nhãn hiệu, bản quyền về hàng hóa thương mại với các cơ quan chức năng

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty Cổ phần Vinabico đang sử dụng:

.

Nhãn hiệu thương mại Công ty đang sử dụng đã được đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu hàng hóa số 64000 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học - Công nghệ cấp ngày 22/06/2005. Nhãn hiệu này cũng đã được đăng ký bảo hộ tại Mỹ.

7.11. Một số hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011 và 2012

Bảng 30. Tổng hợp các hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2011 và 2012

STT	Số Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Bao Bì cuộn	2012	Công Ty JS Plastic	Màng cuộn xanh 14gr	6.219.070.000
2	Bao Bì cuộn	2011	Công Ty JS Plastic	Màng cuộn xanh 14gr; Màng Pilu	7.092.800.000
3	ST-VNBC-2012/01/HĐ KT-HCM	12/07/2012	Công Ty TNHH DV-KT SÁNG TẠO	Mua mới máy dò kim loại (PX xuất khẩu)	209.000.000
4	141/HĐGNTC/2012	02/10/2012	Công Ty TNHH TV-TK-XD ĐẠI NGUYÊN PHÚC	Giao nhận thực hiện thi công sơn nước toàn bộ bề mặt công ty	245.119.600
5	01GP/VNBC/ HĐKT 2012	12/10/2012	Công Ty CP IN GIA PHAN	Hộp sinh nhật (PX bánh tươi)	207.900.000
6	ADV 012-VNBC-001-12X	24/04/2012	Công Ty TNHH VIỆT ÁNH DƯƠNG	Hộp sinh nhật (PX bánh tươi)	194.370.000

(Nguồn:Vinabico)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong 2 năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Bảng 31. Một số chỉ tiêu tài chính của Vinabico năm 2011, 2012 và Quý I/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng/giảm	Quý I/2013
Tổng tài sản	73.555.351.341	76.177.448.610	4%	72.743.139.336
Doanh thu thuần	74.901.156.532	68.486.071.145	-9%	12.399.160.748
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.361.555.771	11.703.802.676	-28%	1.674.769.886
Lợi nhuận khác	588.932.904	673.393.854	14%	(2.583.232.216)
Lợi nhuận trước thuế	16.950.488.675	12.377.196.530	-27%	(908.462.330)
Lợi nhuận sau thuế	12.504.065.817	10.018.022.222	-20%	(2.589.597.041)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	38,6%	59,7%		

(Nguồn: Vinabico)

Trong Quý I/2013, Vinabico bị lỗ 2,589 tỷ đồng, chủ yếu do khoản tiền phạt thuế, truy thu thuế 2.151.049.161 đồng (chiếm 86% chi phí khác).

Theo Quyết định số 444/QĐ-CT-KT4 của Cục thuế Tp. HCM về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành luật thuế của Công ty CP Vinabico năm 2007 và 2008, tiền thuế và phạt truy thu là 3.514.740.164 đồng, bao gồm:

- Thuế Giá trị gia tăng : 164.549.933 đồng;
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp : 1.739.029.651 đồng (trong đó: thuế TNDN truy thu từ khoản dự phòng rủi ro đầu tư chứng khoán không đúng quy định của danh mục chứng khoán OTC Công ty CP Bảo Hiểm Viễn Đông là 1.370.810.728 đồng; và các khoản chi phí không đúng qui định khác 368.218.923 đồng (gồm: chi phí hỗ trợ vận chuyển cho người mua không đúng qui định, giá vốn hàng trả lại không xác định được, dự phòng bao bì không đúng qui định, và các khoản khác);
- Thuế Thu nhập cá nhân : 2.910.000 đồng;
- Phạt lãi nộp chậm : 1.608.250.580 đồng; và
- Tiền phạt vi phạm hành chính : 190.648.958 đồng.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabico trong năm 2011, 2012 và Quý I/2013

a) Thuận lợi

+ Vinabico nhận được sự hỗ trợ mạnh từ Kinh Đô ở hầu hết các mảng: bán hàng, mua hàng, nhân sự.
+ Trong năm 2011, Công ty đã nâng cấp chất lượng hầu hết các nhóm sản phẩm, đặc biệt là bánh trung thu, bánh xốp, bánh snack và bánh tươi.
+ Công ty đã khai thác được nhiều đơn hàng từ thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Ý.
+ Thường xuyên bảo trì và cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa toàn bộ các chi phí sản xuất để hạ giá thành. Trong năm 2011, công ty đã đầu tư thêm 01 máy nướng bánh xốp mới trị giá gần 4 tỷ đồng đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng của thị trường.
+ Từ bước hệ thống hóa các quy trình quản lý nhờ áp dụng công nghệ thông tin (công ty sử dụng phần mềm quản lý Solomon để quản lý việc xuất nhập hàng hóa, các chi phí phát sinh).

b) Khó khăn

– Thị trường bánh kẹo ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt từ các công ty nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và thương hiệu đã được tin dùng trên toàn cầu. Điều này gây nhiều khó khăn cho các công ty bánh kẹo Việt Nam, nhất là các công ty có quy mô nhỏ như Vinabico.

9. Vị thế của Vinabico so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Vinabico là thương hiệu được nhiều người tiêu dùng tin dùng với hơn 36 năm trong ngành bánh kẹo. Vinabico luôn nằm trong Top ten ngành bánh kẹo của Hàng Việt nam chất lượng cao trong giai đoạn 1998-2005. Thương hiệu Vinabico cũng được bình chọn là một trong 500 thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam trong cuộc khảo sát người tiêu dùng toàn quốc do Tập đoàn Nghiên cứu Thị trường ACNielsen tổ chức.

Với quy mô công ty nhỏ, Vinabico đã tránh đối đầu trực tiếp với các công ty bánh kẹo quy mô lớn, bằng cách áp dụng chiến lược xây dựng các sản phẩm ở phân khúc thị trường ngách. Các sản phẩm chủ lực: snack "Cua xanh" và kẹo trang trí để xuất khẩu, đã đóng góp rất lớn vào sự phát triển và hiệu quả kinh doanh của Vinabico.

Trong 3 năm gần đây, hoạt động kinh doanh của Vinabico khá ổn định và đạt hiệu quả khá cao. Lợi nhuận gộp biên và lợi nhuận biên ròng duy trì mức bình quân lần lượt là 40,1% và 11,6% trong giai đoạn 2010-2012 nhờ kiểm soát chi phí khá tốt, không có chi phí lãi vay.

10. Chính sách đối với người lao động của Vinabico

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động chính thức của Công ty tại thời điểm 31/03/2013 là 194 người, cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và trình độ được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 32. Cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và theo trình độ

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
	Theo chức năng quản lý		
1	Ban Tổng Giám đốc	4	2%
2	Lãnh đạo phòng ban, Phân xưởng	8	4%

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
	Theo chức năng quản lý		
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng, phát triển kinh doanh	39	20%
4	Công nhân	118	61%
5	Tạp vụ, Bảo vệ, tài xế, kho	25	13%
	Theo trình độ		
1	Trên đại học	2	1%
2	Đại học	14	7%
3	Trung cấp, Cao đẳng	32	16%
4	Khác	146	75%

(Nguồn: Vinabico)

10.2. Chính sách đối với người lao động của Vinabico

a) Chế độ làm việc

Tổng số giờ làm việc hàng tuần của người lao động là 48 giờ. Đối với nhân viên hành chính làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần nghỉ giữa ca 1 giờ. Đối với nhân viên sản xuất làm việc theo ca với nhịp độ 3 ca/ngày, nghỉ theo ca từ 30 phút đến 60 phút tùy theo ca làm việc.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất kinh doanh các nhân viên công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ ốm đau thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách đào tạo:

Công ty có quy trình đào tạo, huấn luyện theo mục đích công việc cụ thể đối với từng đối tượng. Hoạt động đào tạo của Công ty được thực hiện theo các hướng :

- Đào tạo nội bộ : bao gồm đào tạo hội nhập và đào tạo trên công việc thực tế tại trung tâm đào tạo của Kinh Đô.
- Đào tạo bên ngoài : Cán bộ công nhân viên được tham dự các khóa đào tạo, hội thảo, tọa đàm do các đơn vị bên ngoài tổ chức hoặc Công ty mời giảng viên của các Trung tâm tư vấn – Đào tạo về giảng dạy. Cuối khóa, Công ty tổ chức đánh giá lại kết quả đào tạo đối với từng thành viên tham gia khóa đào tạo.

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý

tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan để nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương tháng, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương công nhật, hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

11. Chính sách cổ tức

Năm	Trả cổ tức bằng tiền (đồng/cp)	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ghi chú
2010	500 đồng/cp	Không	
2011	1000 đồng/cp	Không	
2012	1.200 đồng/cp	Không	

(Nguồn: Vinabico)

12. Tình hình hoạt động tài chính của Vinabico

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh Vinabico tính đến thời điểm 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn vay	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn		41.821.087.044	

Khoản mục	Vốn vay	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư nhà cửa, nhà xưởng		1.958.654.795	
Đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ		5.706.578.057	
Đầu tư tài sản vô hình		108.054.730	
Vốn lưu động	8.582.287.746	4.649.920.935	
Đầu tư tài chính dài hạn		0	
Đầu tư dài hạn khác		9.916.556.029	
Tổng cộng	**8.582.287.746**	**64.160.851.590**	

(Nguồn: Vinabico)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa và vật kiến trúc: 05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 - 15 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn: 03 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng: 03 - 07 năm
- Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính): 05 – 08 năm

c) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty 2011, 2012 và Quý I/2013 lần lượt là 3.089.000 đồng/người, 3.429.000 đồng/người và 3.429.000 đồng/người.

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2011, 2012 và Quý I/2013, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

f) Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Bảng 33. Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	60.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0

STT	Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
	Tổng cộng	**1.060.000.000**	**1.060.000.000**	**1.060.000.000**

(Nguồn: Vinabico)

g) Tổng dư nợ vay ngân hàng

Tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013, tình hình nợ vay của Vinabico như sau:

Bảng 34. Vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0
2	Vay và nợ dài hạn	0	5.000.000	5.000.000
	Tổng cộng	**0**	**5.000.000**	**5.000.000**

(Nguồn: Vinabico)

h) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 35. Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1. Phải thu của khách hàng	3.582.103.367	0	5.712.552.285	0	5.092.746.992	0
2. Trả trước cho người bán	20.000.000	0	54.472.440	0	0	0
3. Các khoản phải thu khác	102.449.470	0	38.551.103	0	125.455.260	0
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	**3.704.552.837**	**0**	**5.805.575.828**	**0**	**5.218.202.252**	**0**

(Nguồn: Vinabico)

Bảng 36. Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012 và 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0	0
2. Phải trả cho người bán	2.903.840.493	0	3.030.432.175	0	2.811.724.263	0
3. Người mua trả tiền trước	282.208.113	0	749.837.250	0	0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.787.607.041	0	545.176.326	0	965.432.921	0

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/03/2013	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
5. Phải trả người lao động	1.366.974.000	0	1.590.713.500	0	975.378.000	0
6. Chi phí phải trả	540.477.509	0	671.670.376	0	671.207.854	0
7.Phải trả nội bộ	0	0	0	0	0	0
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	0	0	0	0	0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.440.723.987	0	2.834.170.352	0	3.153.544.708	0
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0	0	0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	**10.321.831.143**	**0**	**9.421.999.979**	**0**	**8.577.287.746**	**0**

(Nguồn: Vinabico)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Quý I/2013
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	5,37	6,31	6,42
-	Hệ số thanh toán nhanh	lần	4,83	5,94	6,06
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**				
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,14	0,12	0,12
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	0,17	0,14	0,13
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**				
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,02	0,90	0,17
-	Vòng quay TSCĐ	vòng	4,13	4,09	0,70
-	Vòng quay vốn lưu động	vòng	1,35	1,15	0,23
-	Vòng quay các khoản phải thu	vòng	15,16	14,32	2,78
-	Vòng quay các khoản phải trả	vòng	5,00	4,88	0,96
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,85	8,92	2,01
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**				
-	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	%	16,7%	14,6%	-20,9%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Quý I/2013
-	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	19,8%	15,0%	-4,0%
-	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	%	17,0%	13,2%	-3,6%
-	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	%	21,8%	17,1%	13,5%
5	**Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần**				
-	Thu nhập trên mỗi cổ phần	đồng/cổ phần	2.509	2.010	

(Nguồn: Vinabico)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch HĐQT – (Ông) Nguyễn Xuân Luân

Họ và tên: Nguyễn Xuân Luân
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/11/1967
Nơi sinh: Bắc Giang
CMND: 023621340, ngày cấp: 24/10/1997, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bắc Giang
Địa chỉ thường trú: 21 đường số 7 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác:
+ Từ 1991 - 1993: Công tác tại Công ty Sơn mài Lam Sơn
+ Từ 1993 - 1995: Công tác tại Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
+ Từ 1996 - 2001: Công tác tại Công ty TNHH CBTP - TM Nam Đô
+ Từ 2001 - nay: Công tác tại Công ty TNHH XD & CBTP Kinh Đô và Công ty Cổ phần Kinh Đô.
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Vinabico
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh Đô
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tribeco Bình Dương

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Thành viên Hội đồng Quản trị – (Ông) Bùi Thanh Tùng

Họ và tên: Bùi Thanh Tùng
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/09/1972
Nơi sinh: Tiền Giang
CMND: 023419672, ngày cấp: 03/07/1996, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tiền Giang
Địa chỉ thường trú: 439/11 Hòa Hảo, Phường 5, Quận 10, Tp.HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270 838
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
+ Từ 1993 – 2000: Quản đốc tại Công ty TNHH Xây dựng & Chế biến TP Kinh Đô
+ Từ 2000 – 2003: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Sản Xuất tại Kinh Đô
+ Từ 2004 – 2009: Giám đốc Sản Xuất Công ty Cổ phần Kinh Đô
+ Từ 2009 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh Đô
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Thành viên Hội đồng Quản trị – (Ông) Mai Xuân Trầm

Họ và tên: Mai Xuân Trầm
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/06/1974
Nơi sinh: Tp.Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định
CMND: 024424680, ngày cấp 04/07/2005, nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bình Định
Địa chỉ thường trú: 127A Đường số 11, Phường Tân Kiểng, Quận 7,Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 8270 838
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA)
Quá trình công tác: 1998 – nay: Công ty Cổ phần Kinh Đô
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Vinabico – Bình Dương

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Vinabico: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d) Thành viên Hội đồng Quản trị – (Ông) Nguyễn Minh Hùng

Họ và tên: Nguyễn Minh Hùng

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/05/1959
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 021020215, ngày cấp: 26/3/2011, nơi cấp: Công an TP. HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Thủy Xuân, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa thiên – Huế.
Địa chỉ thường trú: 57 đường Trường Sơn, Phường 02, Quận Tân Bình.
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38368735
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân luật.
Quá trình công tác:

+ Từ 1991 - 1993: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản – Bộ Thủy sản.

+ Từ 1993 - 1995: Công tác tại Viện Công nghệ Viễn thông thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.

+ Từ 1996 - 2001: Công tác tại Viễn Công nghệ viễn thông thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia và tại Công ty Bách hóa bán lẻ Tổng hợp Sài gòn thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài gòn.

+ Từ 2001 – nay: Công tác tại Công ty Bách hóa bán lẻ Tổng hợp Sài gòn thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài gòn và Tổng Công ty Thương mại Sài gòn.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Hành chính của Tổng Công ty Thương mại Sài gòn.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

e) Thành viên Hội đồng Quản trị – (Ông) Đỗ Hoàng Trang

Họ và tên: Đỗ Hoàng Trang
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 26/02/1977
Nơi sinh: Tp.HCM
CMND: 023200191, ngày cấp: 02/12/2004, nơi cấp: CA. Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Long An
Địa chỉ thường trú: 59/8 Lý Thường Kiệt, Phường 4, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 35533347
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cao học QTKD
Quá trình công tác:

+ Từ 2001 - 2002: Chuyên viên thẩm định dự án đầu tư Ngân Hàng ĐT&PT VN, CN Tp.HCM.

+ Từ 2002 - 2004: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Openasia.

+ Từ 2004 - 2006: Phó giám đốc phụ trách tài chính Công ty XNK Tổng Hợp Hà Nội – CN Cần Thơ.

+ Từ 2006 - 2008: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Vinabico.

+ Từ 2008 - 2009: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chứng Khoán Nam An.

+ Từ 2009 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinabico.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinabico.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban Kiểm soát – (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Khuyên

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Khuyên

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1981

Nơi sinh: Lâm Đồng

CMND: 250461136, ngày cấp: 28/06/2008, nơi cấp: CA. Lâm Đồng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Phú

Địa chỉ thường trú: A4.3D, Lô D, Chung cư Bùi Minh Trực, Phường 6, Quận 8

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38270838

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 2003 - 2011: Chuyên viên tài chính Công ty CP Kinh Đô

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc tài chính Công ty CP Kinh Đô.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát - (Bà) Đồng Thị Tuyết

Họ và tên: Đồng Thị Tuyết

Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 14/6/1965
Nơi sinh: Sài gòn
CMND: 021722451, ngày cấp: 06/3/2008, nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: 330/4 Phan Đình Phùng, Phường 1, Quận Phú nhuận
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38368735
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
Quá trình công tác:
+ Từ 1991 - 1993: Công tác tại Công ty Dịch vụ Quận Phú Nhuận
+ Từ 1993 - 1995: Công tác tại Công ty Dịch vụ Quận Phú Nhuận
+ Từ 1996 - 2001: Công tác tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn
+ Từ 2001 - nay: Công tác tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Thành viên Ban kiểm soát – (Bà) Đặng Thị Ban

Họ và tên: Đặng Thị Ban
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 24/02/1965
Nơi sinh: Nam Hà
CMND: 024115471, ngày cấp: 18/07/2005, nơi cấp: CA Tp.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Hà
Địa chỉ thường trú: 1109 Cao ốc A Ngô Gia Tự, Phường 3, Quận 10, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 35533347
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học khoa kế toán
Quá trình công tác:
+ Từ 1998 - 2003: Kế toán trưởng Công ty SEAHWAVINA
+ Từ 2003 - Nay: Làm Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Kinh Đô
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vinabico
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc kiểm toán nội bộ Công ty CP Kinh Đô

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

a) Tổng Giám đốc – (Ông) Mai Xuân Trầm

Lý lịch trình bày tại phần c của Hội đồng quản trị Vinabico

b) Phó Tổng Giám đốc Sản xuất– (Bà) Lê Thị Phương Phượng

Họ và tên: Lê Thị Phương Phượng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/08/1958

Nơi sinh: Tiền Giang

CMND: 020120599, ngày cấp: 25/02/2004, nơi cấp: CA. Tp.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 111 Lô F, Chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 35533347

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

+ Từ 6/1982 – 10/1985: Nhân viên KCS – Phòng kỹ thuật XN Bánh Kẹo Vinabico

+ Từ 10/1985 – 10/1995: Quản đốc phân xưởng bánh Biscuits Công ty Liên Doanh Vinabico – Kotobuki.

+ Từ 10/1995 – 10/1996: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Liên Doanh Vinabico – Kotobuki.

+ Từ 10/1996 – 12/2002: Trưởng phòng vật tư – XNK Công ty Bánh Kẹo Vinabico – Kotobuki.

+ Từ 12/2002 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty CP Vinabico.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty cổ phần Vinabico.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 48.178 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Đỗ Thanh Tùng	Chồng	2.964	0,06%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Phó Tổng Giám đốc – (Bà) Nguyễn Thị Thúy Loan

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Loan
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958
Nơi sinh: TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CMND: 020588358, ngày cấp: 28/11/2000, nơi cấp: CA. TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: An Giang
Địa chỉ thường trú: 415 Lô H, Cư xá Thanh Đa, Phường 27, Bình Thạnh, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 35533347
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
Quá trình công tác:

+ Từ 1982 - 1992: Nhân viên thống kê Xí nghiệp Bánh Kẹo Vinabico.
+ Từ 1992 - 2002: Phó phòng kế toán Công ty Liên doanh Vinabico – Kotobuki.
+ Từ 2002 - 2003: Kế toán trưởng Công ty Bánh Kẹo Vinabico – Kotobuki.
+ Từ 2003 - Nay: Phó TGĐ kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Vinabico.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGĐ kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Vinabico.
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 15.784 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Vinabico:

Tên cá nhân	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
Đặng Văn Hiếu	Chồng	29.490	0,59%
Đặng Nguyễn Thanh Thảo	Con	10.828	0,22%
Nguyễn Thị Hồng Đào	Chị	43.505	0,87%
Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Em	10.000	0,2%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d) Kế toán trưởng – (Bà) Nguyễn Thị Thúy Loan

Lý lịch xem tại phần c Ban Tổng Giám đốc Vinabico

14. Tài sản

a) *Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2013*

Bảng 37. Tài sản cố định của Vinabico tại thời điểm 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**32.010.925.891**	**24.345.693.039**	**7.665.232.852**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	8.377.233.107	6.418.578.312	1.958.654.795
2	Máy móc thiết bị	22.286.068.943	16.768.603.129	5.517.465.814
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.121.763.613	948.222.938	173.540.675
4	Thiết bị văn phòng	225.860.228	210.288.660	15.571.568
II	**Tài sản cố định vô hình**	**411.689.749**	**303.635.019**	**108.054.730**
1	Phần mềm máy tính	411.689.749	303.635.019	108.054.730
III	**Tài sản cố định thuê tài chính**	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**32.422.615.640**	**24.649.328.058**	**7.773.287.582**

(Nguồn: Vinabico)

b) *Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng*

Bảng 38. Danh mục đất đai, nhà xưởng Vinabico quản lý

STT	Tên tài sản	Địa chỉ tài sản	Diện tích khuôn viên (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mục đích đang sử dụng	Hồ sơ pháp lý			
						Hình thức		Thời hạn (năm)	Hồ sơ pháp lý
						Mua QSDĐ	Thuê đất		
1	Văn phòng, Xưởng sản xuất	436 Nơ Trang Long, Phường 13, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.	7.767,4	5.542	Văn phòng, xưởng sản xuất		Thuê đất	đến hết năm 2020	Đã được cấp GCNQSDĐ số T00012
2	Cửa hàng	98 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Tp.HCM.	94,5	333,62	Cửa hàng		Thuê đất	đến hết năm 2020	Đã được cấp GCNQSDĐ số T00011
3	Đất tại VSIP II	Số 29 Vsip II, đường số 3, KCN Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.	23.088,4		Dự kiến chuyển nhượng lại Quyền sử dụng đất		Thuê đất	đến ngày 30/11/2055	Đã được cấp GCNQSDĐ số CT00381

(Nguồn: Vinabico)

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Vinabico (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…)

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Vinabico mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành

Không có

VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

2. Mệnh giá: **10.000 đồng**

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:

Phát hành 1.105.704 cổ phiếu (*Một triệu một trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ bốn cổ phiếu*) để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinabico (Vinabico)

4. Tỷ lệ chuyển đổi:

Tỷ lệ hoán đổi là 2,2:1, nghĩa là 2,2 cổ phiếu của Vinabico sẽ được hoán đổi thành 1 cổ phiếu KDC phát hành thêm.

Xử lý cổ phiếu lẻ:

Đối với số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện hoán đổi thì số cổ phiếu lẻ sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần còn lại không đủ chuyển đổi thành 1 cổ phiếu KDC sẽ bị hủy.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 507 cổ phiếu Vinabico khi hoán đổi sẽ nhận được 230 cổ phiếu KDC (số làm tròn xuống đến hàng đơn vị), số cổ phiếu lẻ là 0,45 sẽ bị hủy.

<u>Cơ sở xác định tỷ lệ hoán đổi</u>

Để xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu khi tiến hành sáp nhập Vinabico vào Kinh Đô, đơn vị tư vấn dịch vụ sáp nhập – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã xác định trên cơ sở sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do.

Dựa trên cơ sở xác định tỷ lệ hoán đổi của Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), đề xuất của Hội Đồng Quản Trị, tỷ lệ hoán đổi được Đại hội Đồng cổ đông của hai công ty Kinh Đô và Vinabico thông qua là 2,2 cổ phiếu của Vinabico được hoán đổi thành 1 cổ phiếu KDC.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền

Phương pháp định giá theo chiết khấu dòng tiền dựa trên nguyên tắc cơ bản nhất là ước tính giá trị của tất cả các luồng tiền tự do mà doanh nghiệp sẽ thu được trong tương lai và quy chúng về giá trị hiện tại bằng cách chiết khấu các luồng thu nhập này theo một tỷ lệ chiết khấu phù hợp.

Công thức chiết khấu luồng tiền:

$$PV = \frac{FCFF_1}{(1+k)} + \frac{FCFF_2}{(1+k)^2} + ... + \frac{TFCF(1+g)}{(k-g)(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: Giá trị hiện tại.

FCF_i: Dòng tiền tự do năm thứ i

k: Lãi suất chiết khấu.

TFCF: Giá trị dòng tiền tự do còn lại vào cuối thời kỳ.

g: Tốc độ tăng trưởng giả định là liên tục trong suốt thời gian dự báo.

n: Số năm dự báo được sử dụng trong mô hình định giá.

FCFF: là dòng tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản chi phí hoạt động và thuế. FCFF cũng được hiểu là tổng các dòng tiền đối với tất cả các nhà đầu tư vào doanh nghiệp bao gồm: cổ đông, chủ nợ và cổ đông ưu đãi.

Bảng 39. Tỷ lệ hoán đổi theo phương pháp chiết khấu dòng tiền sau khi phát hành cổ phiếu thưởng

	Giá mỗi cổ phần (đồng/cp)	Tỷ lệ hoán đổi 1 cổ phiếu KDC
KDC	49.049	-
VINABICO	22.626	2,2

(Nguồn: BVSC)

5. Đối tượng chuyển đổi:

Phát hành theo phương thức hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC) cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vinabico.

6. Thời gian dự kiến phát hành:

Quý II/2013

7. Phương thức và kế hoạch phân phối cổ phiếu:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	KDC nhận giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu để hoán đổi từ UBCKNN	T
2	Công bố thông tin về đợt phát hành theo quy định.	T+1
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông Vinabico hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu KDC.	T+11
4	Tổng hợp danh sách cổ đông Vinabico thực hiện hoán đổi.	T+15
5	Tiến hành hoán đổi cổ phiếu: Cổ đông Vinabico nhận cổ phiếu KDC (nếu có) tại thành viên lưu ký.	T+20
6	Tổng hợp và báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN.	T+25
7	Nộp hồ sơ niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Sở GDCK Tp.HCM (HoSE) và Trung tâm Lưu Ký Việt Nam. HoSE chấp thuận niêm yết bổ sung.	T+30
8	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch bổ sung tại HoSE.	T+35

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Kinh Đô vào ngày 16/05/2013 là 48,98%. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Vinabico vào ngày 16/05/2013 là 0,28% (14.000 cp).

Do vậy, sau khi sáp nhập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại KDC vẫn đúng theo quy định hiện hành.

9. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi điều lệ sau sáp nhập theo quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh

Công ty cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại điều 153 Luật Doanh nghiệp 2005 .

Sau sáp nhập, điều lệ Công ty nhận sáp nhập (Kinh Đô) sẽ được sửa đổi cho phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

10. Các loại thuế có liên quan

a) Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Kinh Đô có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bằng 25% trên lợi nhuận thu được. KDC được miễn thuế TNDN trong hai năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong ba năm tiếp theo.

Kinh Đô Bình Dương có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm bắt đầu từ khi hoạt động và 25% trên lợi nhuận thu được cho các năm tiếp theo. Kinh Đô Bình Dương được miễn thuế TNDN trong 3năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo.

KIDO có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. KIDO được miễn thuế TNDN trong 3 năm từ năm 2003, và được giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo.

NKD có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ những dòng sản phẩm mới từ tháng 2/2006 là 20% kể từ ngày sản xuất và 25% đối với các năm tiếp theo. NKD được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ việc cho thuê nhà xưởng là 25%. NKD được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm bắt đầu tư NKD có thu nhập từ việc cho thuê và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Vinabico có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Vinabico được miễn thuế TNDN trong 2 năm, năm 2004 và 2005, và được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm tiếp theo bắt đầu từ năm 2008.

b) Thuế giá trị gia tăng và thuế khác

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho Công ty là 10% đối với doanh thu nội địa và 0% đối với doanh thu xuất khẩu.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:	Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.		
Điện thoại:	(84-4) 3928 8080	Fax:	(84-4) 3928 9888
Chi nhánh:	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		
Điện thoại:	(84-8) 3914 6888	Fax:	(84-8) 3914 7999
Website :	http://www.bvsc.com.vn		

2. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam

Trụ sở:	Tầng 28, Tòa nhà Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-8) 38245 252
Fax:	(84-8) 38245 250

VIII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I: Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của KDC
- Phụ lục II: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và báo cáo quyết toán Quý I/2013 của KDC (báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất)
- Phụ lục III: Các tài liệu liên quan khác (Nghị quyết ĐHĐCĐ,...) của KDC.
- Phụ lục IV: Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Vinabico
- Phụ lục V: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và báo cáo quyết toán Quý I/2013 của Vinabico (báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất)
- Phụ lục VI: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông qua phương án sáp nhập Vinabico vào KDC
- Phụ lục VII: Hợp đồng sáp nhập giữa Kinh Đô và Vinabico
- Phụ lục VIII: Các tài liệu liên quan khác (Nghị quyết ĐHĐCĐ,...) của Vinabico.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị	**Tổng Giám đốc**
TRẦN KIM THÀNH	**TRẦN LỆ NGUYÊN**
Trưởng Ban Kiểm soát	**Kế toán trưởng**
LÊ CAO THUẬN	**NGUYỄN THỊ OANH**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh

VÕ HỮU TUẤN